

# Đâu Là Chân Hạnh Phúc



**HT Thanh Từ**

--o0o--

*Nguồn*

*<http://www.tuvienquangduc.com.au/>*

*Chuyển sang ebook 29-06-2016*

*Người thực hiện:*

*Nguyễn Ngọc Thảo - thao\_ksd@yahoo.com.vn*

*Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn*

*Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com*

*Nam Thiên - namthien@gmail.com*

*[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)*

## **Mục Lục**

CHƯƠNG 1: LỜI ĐẦU SÁCH

CHƯƠNG 2: BI VÀ TRÍ

CHƯƠNG 3: ĐÂU LÀ CHÂN HẠNH PHÚC

CHƯƠNG 4: GẦN VÀ XA NIẾT BÀN

CHƯƠNG 5: KHỔ VUI QUA MẮT KẼ MÊ NGƯỜI TỈNH

CHƯƠNG 6: LÀM SAO BỎ ĐƯỢC THAM - SÂN - SI

CHƯƠNG 7: (CHƯƠNG KẾT): NGUỒN GỐC YÊU ĐỜI VÀ CHÁN ĐỜI

---o0o---

## **CHƯƠNG 1: LỜI ĐẦU SÁCH**

Quyển “Tu Là Chuyên Nghiệp” gồm những bài ngắn, hướng dẫn người tu chuyên nghiệp bất thiện nơi thân khẩu ý của phàm phu, thành nghiệp thiện của bậc hiền đức.

Quyển “Đâu Là Chơn Hạnh phúc”, cũng gồm những bài giảng ngắn của Hòa Thượng Thường Chiếu, nhằm hướng dẫn Tăng Ni và phật tử tu sáu căn. Trong những bài này Hòa Thượng giảng trạch những cái vui thích tạm bợ trá hình của khổ đau, mà người đời cho là hạnh phúc, nên đã lao nhọc tìm cầu đuổi bắt, nhưng không được hạnh phúc lại còn khổ đau. Hòa Thượng cũng giảng trạch rõ ràng cái vui nào là cái vui chân thật cho Tăng Ni và phật tử biết mà thực hiện, để được lợi ích chân thật vĩnh viễn.

Chúng tôi nhận thấy những bài giảng này rất cần cho người mong cầu hạnh phúc chân thật, nên ghi thành sách để tiện bề nghiên cứu thực hiện. Sau khi ghi xong, chúng tôi trình lên Hòa Thượng xem, được Hòa Thượng chấp thuận cho xuất bản. Vì ghi từ lời giảng, chắc chắn tập sách này không tránh khỏi những sai sót lỗi lầm. Xin quý độc giả thông cảm, bỏ qua những lỗi mà chúng tôi đã vấp phải.

**T.T. Trúc lâm, đầu hạ 1993**

**THUẬN GIÁC**

**Kính ghi**

----o0o---

## **CHƯƠNG 2: BI VÀ TRÍ**

Trong đạo Phật chúng ta thường nghe nói đến trí tuệ và từ bi. Vậy trí tuệ là gì, từ bi là gì? Người sống như thế nào là sống với trí tuệ và người hành xử như thế nào là người từ bi?

Đạo Phật là đạo giác ngộ; giác ngộ là thấy đúng lẽ thật. Người thấy đúng lẽ thật không thể thiếu trí tuệ được. Vì vậy mà tất cả chúng ta, nhất là người tu Phật phải lấy trí tuệ làm nền tảng. Ở đây tôi chia trí tuệ ra làm hai loại: Trí thế gian và trí xuất thế gian. Trước hết tôi nói về trí thế gian theo tinh thần Phật pháp. Trí thế gian trong Phật pháp là thấy biết đúng tinh thần nhân quả. Người tu Phật khi làm việc gì phải thấy rõ nguyên nhân và hậu quả của nó. Người thấy rõ nhân và quả không lầm là người có trí tuệ. Trong kinh có nói: “Bồ Tát sớ

nhân chúng sanh sợ quả”. Bồ Tát là hữu tình giác, một chúng sanh giác ngộ là chúng sanh đó biết sợ nhân ác, chúng sanh mê muội thì sợ quả khổ. Cũng sợ vậy, mà hai cái sợ khác nhau, người sợ nhân gọi là giác, người sợ quả gọi là mê. Trí tuệ của người học đạo tuy là trí thế gian, nhưng cũng là trí tuệ của Bồ Tát. Người biết rõ mỗi hành động mỗi lời nói mỗi ý nghĩ là cái nhân đưa tới đau khổ, thì tránh không làm không nói và không nghĩ. Đó là người biết sống bằng trí tuệ. Nếu nghĩ nói làm không biết kết quả ra sao, cứ nói làm càng bướng, khi kết quả khổ đau đến thì than khóc, cầu Trời khẩn Phật cứu, đó là cái si mê của chúng sanh. Hiện tại chúng ta sống với trí tuệ hay sống với si mê?

Tôi đơn cử vài việc rất nhỏ mọn trong đời sống là ăn uống. Mục đích của sự ăn uống là để nuôi dưỡng mạng sống được khỏe mạnh lâu dài. Như vậy, ăn uống là cái nhân, nuôi dưỡng mạng sống được khỏe mạnh lâu dài là cái quả. Nhưng, có người ăn uống những thứ phá hoại mạng sống, vậy người đó là người trí hay người mê? Chẳng hạn như uống rượu, rượu làm đau bao tử, xơ gan, viêm phế quản... mà người ta vẫn cứ uống. Những món ăn không hợp với bệnh, ăn vào là bệnh phát mà người ta vẫn cứ ăn. Khi bệnh phát nặng lo sợ cầu thầy kiếm thuốc, mà cái nhờn gây ra đau bệnh thì không tránh. Đó là người mê nên gọi là phạm phu thế gian. Người có trí biết cái gì ăn vào làm bại hoại mạng sống, làm cho cơ thể đau bệnh thì không ăn. Món ăn nào giúp cho cơ thể tráng kiện, làm cho mạng sống được lâu dài thì dùng, đó là người trí. Còn hút thuốc có lợi cho mạng sống hay có hại? Hút thuốc làm cho nám phổi, ung thư phổi... mà người ta vẫn cứ hút. Á phiện là một loại ma túy làm cho cơ thể con người gầy ốm, xanh xao, suy nhược, bại hoại tột đỉnh, vậy mà người ta vẫn cứ hút. Đó là những người si mê đáo để, tự phá hoại thân thể mình một cách vô lý và nguy hiểm. Người si mê vừa vừa thì phá hoại cơ thể vừa vừa, người si mê ít thì phá hoại cơ thể ít. Tai họa của rượu, của thuốc, của á phiện hiện tại các nhà y học đã chứng minh cụ thể và khuyên không nên dùng. Người ta biết hại mà vẫn cứ dùng, thật là đáng thương! Là con người ai cũng có quyền chọn những thực phẩm tốt làm cho cơ thể khỏe mạnh để dùng, còn những thứ nào đưa đến bệnh hoạn đau khổ thì tránh. Vì con người có khỏe mạnh mới vui tươi, đau yếu thì buồn khổ.

Chúng ta tu Phật là tu theo đạo giác ngộ, những cái gì làm cho chúng ta đắm mê, say đắm, khi thức tỉnh phải gan dạ bỏ liền. Đó là đã tiến trên đường giác ngộ. Đã tiến trên đường giác ngộ thì khổ đau ở cõi đời này tuy chưa hết nhưng cũng đã bớt đi. Ví dụ người ghiền rượu, ghiền thuốc làm mỗi ngày được 50đ, uống rượu 20đ, hút thuốc 10đ, còn lại 20đ không đủ tiền ăn cơm nên phải mang nợ. Cả cuộc đời sống trong say sưa thiếu thốn khổ sở vô cùng. Bây giờ biết uống rượu hút thuốc có hại, gan dạ bỏ không dùng nữa. Tiền lương mỗi ngày chỉ dùng cho việc ăn uống thì vừa đủ, nên thân khỏe mạnh tâm vui vẻ. Đó là người tự tỉnh tự giác bằng trí tuệ thế gian.

Lại có những chén thuốc đắng cay, uống vào không ngon miệng mà người ta lại dùng, vì họ biết món thuốc đó uống vào thì hết bệnh, thân thể khỏe mạnh, sống lâu. Đó cũng do con người có trí tuệ thế gian biết giảng nhân nào tốt thì làm, dù khó làm vẫn cố gắng; nhân nào xấu thì tránh, không làm dù có hấp dẫn. Người sống như vậy là tu, chớ không phải đi chùa thường, lạy hì hựt, khi về nhà cũng rượu thịt say sưa, nói làm sáng bậy, gây khổ cho mình làm khổ lây cho người; đi chùa lạy phật như thế chưa biết tu. Quý vị cứ sống bình thường, mà biết tránh những cái nhân xấu gây đau khổ cho mình, cho gia đình, cho xã hội, đó là tu.

Người có trí tuệ là người có thái độ dứt khoát, biết điều dờ, nhất định không làm, dù cho có ai khuyến khích rủ ren. Còn người bình thường phân tích biết điều đó dờ mà khi có ai rủ cũng chạy theo làm, thì người này chưa thực có trí, còn mơ màng nửa tỉnh nửa mê; gặp người tỉnh thì tỉnh theo, gặp người mê thì mê theo. Như vậy, người tu chúng ta phải thực sự tỉnh để tự quyết định việc làm của mình cho chính chắn tốt đẹp.

Về lời nói ngôn ngữ cũng vậy. Có khi nào mình chửi mắng người mà được người thương mến không? Chắc chắn là không. Tất cả quý vị hiện có mặt ở đây, có ai muốn cho mọi người ghét mình không? Chắc chắn là không. Chẳng muốn người ghét, thì những lời hung ác chê bai chỉ trích... nên nói hay nên dừng? Nên dừng. Vì những lời đó làm cho người nghe khó chịu, họ sẽ sanh tâm oán ghét người nói. Ở đời nếu bị người oán ghét thì khi mình gặp khổ, họ sẽ chế nhạo hoặc hãm hại thêm. Còn nếu được người thương mến khi hoạn nạn được người cứu giúp an ủi. Như vậy có ai dạy khờ gì mà cứ tạo những cái nhờn để cho người oán ghét? Ở thế gian này người ta oán ghét nhau bởi cái gì nhiều hơn hết? Đa số là do cái miệng. Vậy ngang đây quý vị nhớ tu cái miệng tức là tu khẩu nghiệp. Mỗi khi nói ra là phải lựa lời mà nói, lời lành thì nói, lời dữ thì chừa. Như vậy mới đem an vui lại cho mình cho người. Nếu nói lời dữ thì đau khổ sẽ đến, chớ không tránh khỏi.

Lại nữa, người cứ lo tụng kinh với Phật, hễ ai chọc tức thì mắng chửi không tiếc lời. Như vậy tụng kinh một giờ, chửi người chừng mười phút thì phước đức tụng kinh cũng không còn. Để thấy rõ việc tu hành, người trí biết lời nào nên nói thì nói, lời không nên nói thì dừng, điều tốt nên làm thì làm, điều quấy ác có hại thì không làm, đó là người giảng trạch được sự thật. Quý vị chớ nói làm một cách mờ ảo có tính cách huyền bí linh thiêng, mà không thông lý nhân quả. Vì đạo Phật chủ trương con người gặp cảnh khổ hay cảnh vui gốc từ nơi nghiệp lành mà ra. Nói lành làm lành là nghiệp lành, nói hung dữ làm việc ác là nghiệp ác. Muốn được an vui mà gây nhân ác, đó là mê, thiếu trí tuệ. Thế nên muốn được an vui là phải tạo nhân lành, an ủi khuyên lơn giúp đỡ mọi người từ vật chất lẫn tinh thần cho họ được vui vẻ. Người biết sống như thế là người có trí tuệ thế gian.

Sau đây là trí tuệ xuất thế gian. Trí xuất thế gian là trí biết đúng như thật, cái nào giả biết nó là giả, cái nào thật biết nó là thật. Cái giả cho là thật đó là mê, cái có thật mà không biết cũng là mê, thiếu trí tuệ. Thế nên, cái giả biết rõ là giả, cái thật biết nó là thật, đó là người trí, mà là trí xuất thế gian. Trí này có khả năng thấy suốt được lẽ thật, nhìn thẳng nơi con người biết cái nào là giả cái nào là thật không lầm lộn. Thông thường người đời ai cũng thấy thân này là thật. Nhưng với cái nhìn của người có trí xuất thế gian thấy như chỗ Phật đã chỉ bày: Thân này là tướng nhân duyên hòa hợp, nhân duyên hội đủ thì thân này tồn tại, nếu thiếu duyên thì nó tan hoại. Bốn thứ đất, nước, gió, lửa hợp lại mà có thân này; những chất cứng như tóc, lông, răng, xương...thuộc về đất. Những chất lỏng như máu, nước miếng mồ hôi... thuộc về nước. Hơi ấm thuộc về lửa. Sự máy động, hơi thở... thuộc về gió. Bốn thứ đó hòa hợp thành thân này, nếu một trong bốn món đó mất đi thì thân tan hoại. Bốn món đó là bốn yếu tố chính duy trì mạng sống con người. Nhưng bốn món đó lại xung khắc với nhau; lửa gặp nước thì tắt, đất gặp gió thì rung rinh... Vậy mà bốn món đó phải hợp nhau điều hòa nhau, thì mạng sống con người mới điều hòa an ổn. Nếu có sự chống trái hay dư thừa hoặc hao hụt thì thân bất an. Chẳng hạn lửa nhiều thì thân nóng đầu nhức phải dùng thuốc hạ sốt. Lửa ít thì rét rung phải sưởi ấm, uống thuốc cho tăng nhiệt lượng. Nước nhiều thì phù thũng phải thải nước ra. Nước ít thì khô khao gầy đét... Gió nhiều thì đau nhức... Cứ như vậy mà biến động không dừng ở nơi thân. Nếu một trong bốn thứ đó hoặc quá thiếu hay quá thừa thì mạng sống dừng ngay. Chúng ta thấy sự hòa hợp của đất, nước, gió, lửa thật là tạm bợ, giờ nào nó còn hòa hợp là thân còn, giờ nào nó bất hợp tác thì thân mất, không có gì bảo đảm cả, chỉ cần một hơi thở ra mà không hít vào thì chết ngay. Đó là cái thấy của người trí về thân thể con người. Ngược lại, ai cho rằng thân này là thật, chắc bền vĩnh viễn, đó là cái thấy của người mê. Song, không phải biết thân này tạm bợ để rồi bi quan yếm thế, buồn than cho số phận. Mà, giờ nào còn thở, còn khỏe mạnh, những điều hay tốt, nên làm ngay, nếu chần chờ khát hẹn, chết đến sao làm kịp? Tu cũng vậy, giờ nào còn thở còn hơi ấm thì lo tu, mai một tắt thở làm sao tu kịp? Biết như vậy để nỗ lực tu, nỗ lực làm điều thiện, chớ không phải thấy nó tạm bợ rồi sống buông xuôi chờ chết, quan niệm như vậy không đúng. Người trí thấy thân này tạm bợ, không thật, nhờ vậy mà hằng tỉnh giác nỗ lực tu hành. Đó là giai đoạn thứ nhất thấy thân này giả.

*Giai đoạn thứ hai:* Thấy thân này là giả và ngay trong cái giả đó còn có cái chân thật không hình không tướng mà hằng sáng rõ không hoại, người trí khéo nhận ra nó và hằng sống với nó. Ví dụ trong nhà giảng này trên đây là bàn Phật có hình tướng, quý vị nói là có; khoảng không gian trống, đa số người nói là không. Nhưng kỳ thực nó không phải là không. Nếu không thì mọi người đều chết vì thiếu không khí thở. Khoảng không gian này không có hình tướng thô như cái bàn, tượng Phật, nhưng có không khí, có bụi bặm... Chỉ vì mắt thường không thấy được nên cho là không. Vì thế mà phủ nhận những gì quá tầm mắt thấy. Như vậy, để thấy những cái được cho rằng có là vì có hình tướng thô, còn

trong không gian cũng có những cái tế, mà mắt thường không thể thấy được, chứ không phải là không. Cũng vậy, thân người phân tử đại hòa hợp là cái có thô, còn cái hiểu biết được gọi là tâm là cái có tế. Cái có thô là vật chất, cái có tế là tinh thần. Tinh thần có thì vật chất có, vật chất có thì tinh thần có, hai cái hỗ tương nhau nên mới có cuộc sống thế này. Bởi có tinh thần nên khi vật chất hoại mà tinh thần bất động không hoại. Người thấy cái thật biết đúng như thật, thấy cái giả biết đúng như giả, đó là người có trí xuất thế gian. Tôi nhắc lại, người học đạo là phải có trí; trước tiên là phải có trí thế gian hay hữu sư trí, do sự học hỏi truyền dạy của bậc thầy mà có, để rồi đi tới trí xuất thế gian do sự tu hành mà được. Học đạo mà mù tối quá thì không xứng đáng là người học Phật.

Bây giờ nói tới từ bi. Từ bi từ đâu mà có và muốn có phải làm sao? Làm thế nào có được tình thương đối với mọi người? Tình thương và từ bi có giống nhau không? Tình thương là tình duyên ái giữa cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái, bằng hữu... lại có những tình thương không tốt phi đạo lý nữa. Còn từ bi là thương cao thượng bất vụ lợi, thương tất cả mọi loài không vì bản ngã của mình. Muốn có tình thương bất vụ lợi đó trước tiên chúng ta phải xét cảnh khổ của con người. Bài giảng đầu tiên Phật giảng cho năm anh em ngài Kiều Trần Như tại vườn Lộc Uyển là Tứ Đế. Trong Tứ đế, Khổ đế được nêu lên trước cho mọi người thấy khổ là một lẽ thật không chối cãi được. Mục đích là để cho con người thoát ra mọi khổ đau. Do thấy khổ đau dày xéo lên kiếp người mà khởi lòng từ bi thương yêu lẫn nhau, cứu giúp cho nhau ra khỏi biển khổ, chứ không phải nói khổ để mà khóc than cho số phận. Thông thường khi con người cùng ở trong cảnh hoạn nạn khốn khổ thì dễ thông cảm, dễ thương nhau. Nhưng khi ở trong cảnh giàu sang, quyền thế, người được địa vị cao kẻ ở địa vị thấp khó thông cảm và thương yêu nhau. Vì vậy muốn phát khởi lòng thương, việc dễ dàng nhất là thấy rõ nỗi khổ của nhau thì mới thương yêu nhau. Nếu mọi người thấy rõ thân mình cũng như thân người do tứ đại hòa hợp mà thành. Khi nó bất hòa thì thân bệnh hoạn, một đại bất hòa thì sanh một trăm lẽ một bệnh. Nếu bốn đại bất hòa thì sanh bốn trăm lẽ bốn bệnh. Như vậy thân này là một ổ bệnh, đã là một ổ bệnh thì khổ vô cùng. Có thân không ai dám nói tôi hoàn toàn không bệnh, không bệnh nặng thì cũng bệnh nhẹ hoặc bệnh mới phát khởi hoặc bệnh đã khởi lâu, không ai là không bệnh. Để thấy rõ thân chúng ta là thân bệnh hoạn, người nào cũng có bệnh thì người nào cũng khổ. Tất cả đều khổ nên thương nhau, giúp đỡ nhau, an ủi nhau cho bớt khổ. Kiếp người vốn đã khổ rồi, lại làm cho khổ thêm thì quá ác. Có nhiều người tuy bên ngoài thân lành lạng nhưng bên trong có đôi ba chứng bệnh đang hành hạ, khiến họ đau nhức, rên rĩ hoặc cộc cằn. Nếu họ có lỗi lầm nên tha thứ. Người tu là kẻ từ bi, người đời đã khổ mà làm khổ thêm là thiếu từ bi, không xứng đáng là người tu Phật.

Thứ nữa, là xét cái si mê của chúng sanh mà khởi tâm từ bi. Chúng sanh vì si mê nên cái giả không biết là giả cho là thật, và cái thật mình tự có không biết lại bỏ quên đi. Do tưởng cái giả là thật, nên bị cái giả chi phối sai sử tạo bao

nhiều nghiệp tội, để rồi đời này mang thân này khổ, đời khác mang thân khác khổ, cứ mang thân khổ trầm luân trong vòng sanh tử không có ngày dừng. Chúng ta khi thấy người nào đang ở trong cảnh mê, liền dùng mọi phương tiện khuyến khích nhắc nhở cho họ tỉnh. Dù họ chưa hoàn toàn tỉnh song cũng lóe sáng phần nào để bớt mê. Hễ bớt mê là bớt khổ. Đó là lòng từ bi, vì thấy người mê nên khởi lòng thương xót. Như vậy chúng ta là người học Phật phải có trí tuệ và từ bi. Từ bi một là thấy chúng sanh khổ mình thương xót, an ủi giúp đỡ họ được vui. Hai là thấy người mê cứ gây nghiệp rồi chịu khổ, khổ từ đời này tới đời nọ không có ngày cùng, nên thương xót dùng phương tiện chỉ dẫn cho họ bớt mê. Phật dạy thể hiện lòng từ bi không gì hơn là bố thí, ó thí tài tức là giúp đỡ của cải vật chất cho người nghèo khó bệnh tật. Bố thí pháp là giảng dạy nhắc nhở cho người hết mê lầm.

Trách nhiệm của người tu là phải tự mình có trí tuệ để giải khổ cho mình, và xót thương mọi loài đang đau khổ mà giúp cho họ giải khổ. Tự mình làm sao thoát khỏi những cái dở, những thói quen tật xấu từ lâu đời để mình hết khổ và giúp cho mọi người hết khổ là tu. Tu bằng trí tuệ và từ bi.

---o0o---

### **CHƯƠNG 3: ĐAU LÀ CHÂN HẠNH PHÚC**

Tất cả chúng ta có mặt trên trần gian này, ai cũng mơ ước sống một cuộc đời hạnh phúc, chẳng ai muốn cuộc đời mình bất hạnh. Thế nên mỗi năm vào ngày mùng một tết gặp nhau đều chúc nhau một năm hạnh phúc. Hạnh phúc là điều mình mơ ước và mọi người chúc tụng, vậy quý vị sống có hoàn toàn hạnh phúc không? - Không. Tại sao mơ ước hạnh phúc và chúc tụng nhau hạnh phúc mà không được hạnh phúc? Ngay trong cuộc sống này có ai dám vỗ ngực tự xưng rằng mình hoàn toàn hạnh phúc không? Nếu có, chỉ có chút ít thôi, mười phần chỉ được một hai, chớ không được trọn vẹn. Hạnh phúc là gì mà ai cũng mơ ước chúc tụng cho nhau?

Ví dụ đi lỡ đường, bụng đói cồn cào, lúc đó được bữa cơm ngon miệng, no lòng, đó là hạnh phúc. Giả sử thân đang bị rét lạnh được áo len mềm nỉ thì thân được ấm, không còn rét run nữa, đó là hạnh phúc. Hạnh phúc là người đời thấy khi đói được ăn no, khi lạnh được sưởi ấm... Tóm lại, hạnh phúc không ngoài mắt thấy được sắc đẹp, tai nghe được âm thanh hay, mũi ngửi được mùi hương thơm, lưỡi nếm được vị ngon, thân xúc chạm được vật êm ấm. Những cái ưa thích của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân được toại nguyện là hạnh phúc chớ gì?

Vậy năm căn tiếp xúc với năm trần được thỏa mãn đó là hạnh phúc. Ở đây tôi chỉ nói riêng lỗ tai thôi, hàng ngày lỗ tai thường được nghe tiếng êm dịu hay cũng có khi nghe lời thô bỉ cộc cằn? Có khi được khen, có lúc cũng bị chê. Song, chê nhiều hơn khen. Như vậy, muốn được hưởng những âm thanh vừa với

lỗi tai thì ít, mà trái với lỗi tai thì nhiều. Muốn được tất cả mọi người đều khen thì dễ hay khó? Như Phật là bậc toàn giác mà có được khen hoàn toàn đâu? Trên thế gian này ai là người được khen hoàn toàn? Hễ có khen thì liền bị chê, khi khen thì vui tươi là hạnh phúc, lúc chê thì buồn khổ là bất hạnh. Cũng vậy, mũi ngửi mùi hôi nhiều hơn mùi thơm, lưỡi nếm vị dở nhiều hơn vị ngon, mắt thấy sắc xấu nhiều hơn sắc tốt, thân xúc chạm vật bất như ý nhiều hơn như ý. Kiểm lại thì con người bất hạnh nhiều hơn là hạnh phúc, nên ai cũng tự than là khổ, không ai thấy mình sống thật hoàn toàn hạnh phúc cả. Tại sao vậy? Vì cái mà mình cho là hạnh phúc đó là do căn tiếp xúc với trần sanh cảm thọ vui là tướng vô thường; âm thanh êm diệu nghe thoáng qua rồi mất, vị ngon lưỡi vừa nếm nuốt qua khỏi cổ cũng không còn... Tất cả cái mà con người thọ hưởng đó bản chất nó là vô thường, hễ vô thường thì tạm bợ, nên vừa thấy hạnh phúc đó liền mất, muốn giữ lại mà không được, vì vậy mà cảm thấy khổ. Tất cả những cái mà con người cho là hạnh phúc chỉ có giá trị tạm thời, không lâu bền chắc thật. Sau đây Phật dùng ví dụ để chỉ cho mọi người thấy rõ hạnh phúc trần gian là tạm bợ.

Xưa có một vị vua và hoàng hậu lớn tuổi mới sanh được một nàng công chúa, nên hết mực cung chiều. Vì quá cung chiều nên công chúa rất nhõng nhẽo. Một hôm trời mưa nước đọng lại trên mái nhà, rơi xuống hồ nước, khiến cho bong bóng nước nổi lên mặt hồ, ánh nắng mặt trời chiếu rọi bong bóng nước óng ánh rất đẹp. Công chúa nhìn thấy bóng nước óng ánh, cô thích quá, cô bèn nghĩ: Nếu được một xâu chuỗi bằng bong bóng nước như thế để đeo thì tuyệt đẹp. Nghĩ vậy, rồi cô vô phòng nằm trùm chăn từ sáng đến chiều. Hoàng hậu thấy vắng, đi tìm, thấy cô nằm im trùm chăn, bà nghĩ cô bệnh, cuống quýt hỏi han đủ điều, hỏi mãi mà cô vẫn làm thinh không trả lời. Hoàng hậu báo tin cho vua hay, vua đến thăm hỏi, cô cũng không trả lời. Năn nỉ tới chiều cô mới nói nhỏ nhỏ rằng:

- Nếu có xâu chuỗi bằng bong bóng nước đeo thì con sẽ mạnh, nếu không có không có xâu chuỗi ấy chắc là con chết.

Vua nghe hoảng hốt, nếu công chúa chết thì nhà vua sẽ khôn khổ vô cùng. Vua bèn ra lệnh cho bá quan tìm người xâu bong bóng nước thành chuỗi, cho công chúa đeo và hứa sẽ thăng quan trọng thưởng cho người xâu. Quý vị có dám lãnh trách nhiệm làm việc đó không? - Không. Như vậy, mà có một ông già tới xin nhận trách nhiệm đó. Vua đưa ông tới chỗ công chúa ở. Bây giờ cô vẫn còn nằm. Vua giới thiệu ông già với công chúa:

- Đây là người xâu chuỗi bong bóng nước, ông có biệt tài xâu chuỗi rất đẹp, cha sẽ nhờ ông xâu cho con một xâu chuỗi như ý con muốn, vậy con hãy ngồi dậy.

Công chúa nghe mừng quá, liền chỗi dậy ông già chậm rãi nói:



- Tôi chuyên nghề xâu bong bóng nước, bây giờ công chúa hãy ăn uống trở lại đi, sáng mai tôi sẽ xâu cho công chúa một xâu chuỗi bong bóng nước.

Công chúa vui mừng ăn uống bình thường. Sáng hôm sau, công chúa, nhà vua, hoàng hậu và ông già xâu chuỗi cùng ra trước thềm, trên mặt hồ vẫn có những hạt bong bóng nước, nổi lóng lánh. Mọi người nhìn bong bóng nước, ông già bèn than:

Tôi chuyên nghề xâu bong bóng nước làm chuỗi, song rất tiếc, tôi già cả, hai mắt sờ sệt e thấy không rõ. Vậy công chúa hãy lựa cái bong bóng nào thực đẹp vừa ý đưa tôi xâu cho.

Công chúa mừng rỡ, chờ giọt nước rơi xuống, bong bóng nước nổi lên, liền đưa tay vớt, nhưng bong bóng nước vừa lên khỏi mặt nước là bể tan. Từ sáng tới trưa vớt không được cái nào hết. Công chúa mệt mỏi chán nản xoay qua nhà vua nói:

- Thưa cha, thôi, bây giờ con không thèm xâu chuỗi bong bóng nữa.

Nhà vua gật đầu:

- À, thì cha sẽ cho con xâu chuỗi kim cương.

Bong bóng nước dụ cho hạnh phúc ở trần gian, xa nhìn thì thấy nó đẹp lắm nhưng vừa nắm bắt được là nó tan mất, vì nó vô thường. Thế nên người tìm hạnh phúc trong ngũ dục, suốt đời không bao giờ được thỏa mãn. Công chúa dụ cho mọi người chúng ta. Cả cuộc đời đuổi theo hạnh phúc rồi lại tay không, không ai là người tự hào rằng mình hưởng hạnh phúc trọn vẹn, vì hạnh phúc là mà chúng ta mơ ước, vừa chạm tới là nó tiêu tan. Ví cái mà con người mơ ước trông chờ là cái vô thường.

---o0o---

#### **CHƯƠNG 4: GÀN VÀ XA NIẾT BÀN**

Tất cả mọi người tu, ai cũng có ước nguyện sanh về cõi Cực Lạc hoặc nhập Niết Bàn vô sanh không còn luân hồi sanh tử. Nhưng tu thế nào mới được gàn và được Niết Bàn? Tu thế nào xa và không được Niết Bàn. Bài kệ sau đây của một Tôn giả đệ tử Phật nói về việc gàn và xa Niết Bàn:

*Thấy sắc niệm say mê,*

*Nếu tác ý ái tưởng,*

*Tâm tham đắm cảm thọ*

*Tâm nhập và an trú,  
Thọ người ấy tăng trưởng,  
Nhiều loại do sắc sanh,  
Tham hại tâm lớn mạnh.  
Chúng gia hại tâm nó,  
Khổ chất chứa như vậy  
Rất xa rời Niết Bàn.*

Người đối với mọi hình sắc, vừa thấy liền khởi niệm say mê, rồi tác ý ưa thích nghĩ tưởng hình sắc, thế là lòng tham chìm đắm trong cảm thọ. Do tham đắm trong cảm thọ, nên tâm nhập vào sắc và an trú nơi sắc thì cảm thọ của người ấy đối với sắc càng ngày càng tăng thêm. Nếu cảm thọ tăng thêm, thì có nhiều thứ phiền não tội lỗi do cảm thọ sắc mà sanh ra, như tâm tham, tâm hại càng ngày càng lớn mạnh. Nếu tâm hại càng lớn mạnh thì tâm bồ đề bị lu mờ: Nghiệp chướng phiền não chất chồng, càng ngày càng xa niết bàn. Không những đối với sắc, đắm mê sắc có những cái hại như thế, mà đuổi theo thanh đắm mê thanh, đuổi theo hương đắm mê hương, đuổi theo vị đắm mê vị, đuổi theo xúc đắm mê xúc cũng có những cái hại tương tự. Càng ngày càng xa Niết Bàn. Ngược lại thì gần với Niết Bàn:

*Không tham nhiễm các sắc  
Thấy sắc giữ chánh niệm  
Tâm không tham cảm thọ  
Không xâm nhập an trú  
Thấy sắc như thế nào?  
Như vậy có cảm thọ  
Từ bỏ không tích lũy  
Chánh niệm hành trì vậy  
Như vậy không chứa khổ  
Được vậy gần Niết Bàn.*

Người thấy sắc không nhiễm sắc, tuy mắt thấy sắc mà tâm vẫn an trú trong chánh niệm nên không chạy theo cảm thọ lạc hay cảm thọ khổ. Đã không chạy theo cảm thọ thì tâm không xâm nhập nơi sắc và không an trú nơi sắc. Thấy sắc như thế nào thì ghi nhận (thọ) như thế ấy. Không khởi tâm phân biệt thủ xả chấp trước, hằng ở trong chánh niệm thì phiền não trần lao khổ không dậy khởi. Người không phiền não không khổ đau là gần với Niết Bàn. Vậy, xa với Niết Bàn hay gần với Niết Bàn là do mắt, tai, mũi, lưỡi, thân tiết xúc với sắc, thanh, hương, vị, xúc; nếu dính, kẹt, nhiễm trước thì xa Niết Bàn; không kẹt, không nhiễm trước, là gần với Niết Bàn.

Một hôm Tôn giả Phú Lô Na đến đức Phật đánh lễ, quì thưa:

Bạch Thế Tôn, con muốn đến một chỗ vắng vẻ để tu. Xin Thế Tôn dạy cho con phương pháp tu đơn giản dễ nhớ, để con đến đó tu hành chóng đạt được đạo.

Phật dạy:

- Mắt thấy sắc không nhiễm trước, không dính mắc là gần với Niết Bàn, tai nghe tiếng không nhiễm trước, không dính mắc là gần với Niết Bàn; mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân chạm xúc không nhiễm trước, không dính mắc là gần với Niết Bàn. Ngược lại, nếu nhiễm trước, nếu dính mắc là xa với Niết Bàn.

Tôn giả Phú Lô Na vâng lời Phật dạy đi đến chỗ vắng vẻ để tu.

Phật dạy tu rất là đơn giản.

Tại sao mắt thấy sắc nhiễm trước dính mắc lại xa với Niết Bàn? Mắt của quý vị hiện thấy hình sắc, cái thấy đó có giống nhau không? Thế thường người đời hay nói: chính mắt tôi thấy, đó là sự thật. Theo quý vị thì mắt, tai thấy nghe có đúng sự thật không? Ví dụ có một nhóm người vào tiệm bán vải. Tiệm vải trưng bày nhiều xấp hàng cùng loại mà khác màu: nào xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, tím... Khi chọn hàng mua, kẻ thì chọn màu trắng, người thì chọn màu lam, kẻ thì chọn màu vàng, mỗi người tùy theo sở thích của mình mà chọn mỗi màu. Người chọn màu trắng cho màu trắng đẹp, người chọn màu lam cho màu lam đẹp, người chọn màu vàng cho màu vàng đẹp. Mỗi người có mỗi nhận định, có mỗi sở thích khác nhau. Vậy màu nào đẹp thật? Nếu mỗi người mỗi chấp màu mình thích là đẹp nhất, thì có cãi lộn nhau không? Không đồng ý nhau khư khư với cái chấp của mình ắt sanh tranh cãi. Như vậy thấy sắc chấp chặt vào sắc thì sanh nhiễm trước, rồi bảo vệ cái mà mình chấp. Do bảo vệ cái chấp của mình, có ai nói khác với cái chấp của mình thì chống đối... Từ chấp trước sanh sân hận, từ sân hận gây ra nhiều thứ phiền não khổ đau. Đã khởi phiền não sân hận làm sao gần niết bàn được?

Cái nghe cũng vậy, nhiều người cùng nghe một bài pháp, người thì khen đoạn này hay, kể chuyện quá hay, kể thì khen đoạn kia lý tuyệt. Còn người thì ngồi ngủ gục không biết hay. Cùng nghe một bài pháp người khen chỗ này, người khen chỗ kia, người thì không khen. Nếu người khen chấp chặt cái khen của mình là đúng thì có cãi lộn nhau không? Cái nghe của mỗi người có đến lẽ thật, có phải là chân lý không? Vì không phải là chân lý mà chấp chặt nên gây ra phiền não khổ đau, xa Niết Bàn.

Đến cái ngửi, thông thường hương thơm thì mũi ai cũng ghi nhận thơm, mũi hôi thì mũi ai cũng biết hôi. Tuy nhiên có cái người này khen thơm, người khác lại chê hôi. Chẳng hạn như người chưa từng ăn sầu riêng thì chê sầu riêng hôi; còn người quen ăn sầu riêng thì thích, khen sầu riêng thơm. Vậy mũi sầu riêng thơm hay hôi mà người khen thơm, người chê hôi? Thơm hôi tùy theo sở thích sai biệt của mỗi người, nó không cố định. Không định được thơm là đúng hay hôi là đúng. Nếu chấp chặt vào đó mà tranh cãi thì sân hận dấy khởi, bao nhiêu thứ phiền não khổ đau chất chồng, làm sao gần Niết Bàn được?

Thứ nữa là lưỡi nếm vị, vị nếm có giống nhau không? Cùng ăn một món mà người khen ngon kẻ chê dở. Chẳng hạn cô đầu bếp quen ăn mặn, nấu thức ăn cô nấu vừa với khẩu vị của cô. Khi dọn cơm lên người khách xa ăn thấy mặn. Người nói mặn, người nói vừa ăn, ai nói đúng? Nếu người nói vừa ăn là đúng, thì người nói mặn trật sao? Nếu cần kiểm chứng thì ai là người làm chứng cho ra lẽ thật? Nếu người quen ăn nhạt xác chứng thì thức ăn của đầu bếp mặn, đầu bếp nấu ăn dở. Nếu người quen ăn mặn xác chứng thì thức ăn của người đầu bếp vừa ăn. Để thấy khẩu vị của mỗi người không giống nhau mà chấp chặt vào đó, sẽ sanh tranh cãi, tranh cãi thì đưa tới giận hờn phiền não khổ đau xa Niết Bàn.

Bây giờ tới thân xúc chạm. Thân xúc chạm cũng không giống nhau nữa. Ví dụ ở miền Nam Việt Nam, vào mùa Đông người có thân hình mập mập và người có thân hình ốm yếu cùng ở chung một phòng. Người có thân mập mập cảm thấy vừa mát, còn người ốm cảm thấy lạnh buốt. Trong phòng có bao nhiêu cửa sổ người ốm đều đóng lại để giữ hơi ấm. Khi đóng cửa thì người mập cảm thấy nóng nực. Như vậy thì sao? Nếu đóng cửa thì người mập nóng, không đóng cửa thì người ốm lạnh run. Vậy xúc chạm của ai đúng? Người thấy lạnh đúng hay người thấy nóng đúng? Để thấy xúc chạm cũng không giống nhau, xúc chạm của người này người kia không chấp nhận. Vậy xúc chạm cũng không đúng sự thật. Đã không thật mà chấp chặt vào đó thì sanh tranh cãi buồn phiền với nhau, xa Niết Bàn. Như vậy mắt, tai, mũi, lưỡi, thân chúng ta xúc chạm với sắc, thanh, hương, vị, xúc, mỗi người đều cho cái thấy của mình là đúng rồi chấp chặt vào đó, sanh tranh cãi với nhau gây bao nhiêu thứ phiền não cho nhau, nên cách Niết Bàn quá xa. Còn nếu không chấp chặt, không cho cái thấy biết của

mình là đúng, không cho cái thấy biết của người khác là sai, thì không phiền não. Không phiền não thì gần với Niết Bàn.

Vậy xa Niết Bàn và gần Niết Bàn là tại đâu? Nằm căn tiếp xúc với năm trần chấp chặt là xa Niết Bàn, Ngược lại nằm căn tiếp xúc với năm trần mà không đuối theo, không chấp chặt là gần với Niết Bàn.

Thuở xưa ở xứ Ba La Nại, Quốc Vương nước này sanh ra một trăm người con. Vị Hoàng tử út thâm nghĩ rằng: Mình là con thứ một trăm, ngai vàng mà vua cha truyền lại không bao giờ đến mình. Người được nối ngôi là anh cả. Nếu anh cả có chết thì anh hai, anh ba... Nên Hoàng tử cầu nguyện với bậc Hiền Thánh chỉ cho một quốc độ mà Hoàng tử có thể tìm đến để làm vua. Lòng ước nguyện của Hoàng tử được cảm ứng. Một vị Phật Bích Chi đến bảo rằng:

- Cách nước ngươi một trăm dặm, ngươi qua xứ ấy sẽ được làm vua. Nhưng từ đây tới đó phải qua một khu rừng có quỷ la sát. Đa số người qua rừng này đều bị quỷ ăn thịt, ít ai qua khỏi. Nếu qua khỏi thì chắc chắn được làm vua. Và muốn qua khỏi khu rừng đó không bị quỷ la sát ăn thịt thì tất cả những gì mà quỷ hiện ra để quyến rũ dụ dỗ phải từ chối hết. Cứ thẳng tới trước mà đi thì không bị hại. Nếu mắc kẹt ở đó nhất định sẽ bị quỷ la sát ăn thịt.

Hoàng tử nghe vị Phật Bích Chi nói như thế liền xin phép vua cha đi đến xứ ấy. Khi chuẩn bị hành lý thì có một số bạn bè thân mến xin đi theo. Hoàng tử nói rằng:

- Con đường này hiểm trở lắm, các anh đi, e dọc đường quỷ la sát ăn thịt. Tôi không dám rủ các anh đi.

Những người bạn nói rằng:

- Anh đi được thì chúng tôi đi được. Anh hãy cho chúng tôi cùng đi. Có gì chúng tôi cam chịu.

Hoàng tử nghĩ nếu không cho các bạn đi là mình ích kỷ, nên tùy thuận để cho các bạn cùng đi. Có năm người cùng đi theo Hoàng tử.

Qua khỏi ranh bốn quốc thì tới một khu rừng già. Tới đây đoàn người lữ hành đi đường xa đã thấm mệt, bỗng một quán rượu hiện ra, người bán thì đẹp, rượu và đồ nhắm thơm ngon. Trong đoàn có người đã quen uống rượu, nên bị mùi rượu kích thích. Anh bèn xin dừng lại uống rượu rồi sẽ đi sau. Hoàng tử cảnh cáo:

- Không được, coi chừng quỷ la sát nó hiện ra đó, anh ở lại nó ăn thịt anh.

Người thích rượu trả lời:

- Không hề gì, tôi uống xong đi liền.

Người ấy vô quán rượu, đoàn của Hoàng tử cứ đi. Người thích uống rượu say, bị quỷ la sát ăn thịt.

Đoàn Hoàng tử đi thêm một đoạn đường dài khá xa, mọi người đều mỏi mệt. Trước mặt hiện ra một ngôi nhà thật đẹp, trong nhà có nhiều cô gái nhan sắc kiều diễm. Đoàn người đi ngang, một cô chạy ra mời vào nghỉ cho khỏe rồi hãy đi. Trong đoàn có một anh háo sắc, thấy gái đẹp động tâm. Hoàng tử không bằng lòng dừng lại, tiếp tục dẫn đoàn đi... Anh háo sắc nói:

- Các anh hãy đi, tôi ở lại nghỉ một đêm, rồi mai tôi theo sau cũng được.

Hoàng tử cảnh cáo:

- Anh ở lại coi chừng quỷ la sát nó ăn thịt anh.

Anh háo sắc không nghe lời Hoàng tử, cứ làm theo thị hiếu của mình, anh ở lại nghỉ một đêm, khuya bị quỷ la sát ăn thịt.

Đoàn Hoàng tử đi thêm một đoạn đường dài nữa. Người trong đoàn hết sức mệt mỏi. Trước mặt lại có ngôi biệt thự hiện ra, từ biệt thự vang ra những tiếng ca véo von với điệu nhạc du dương. Và một cô gái ra mời đoàn người vào nhà uống trà nghe nhạc. Trong đoàn có anh mê âm nhạc, nên xin ở lại uống trà nghe âm nhạc.

Hoàng tử không bằng lòng can ngăn:

- Không được, anh ở lại sẽ bị quỷ la sát nó ăn thịt.

Nhưng anh mê âm nhạc không nghe, dứt khoát ở lại uống trà nghe nhạc. Tối đến bị quỷ la sát ăn thịt.

Đoàn người còn lại vẫn tiếp tục đi, đi được một quãng đường khá dài, lương khô gần cạn, bụng đang đói cồn cào. Trước mặt hiện ra một quán cơm với mùi thức ăn chiên, kho... bay thơm ngào ngạt. Trong đoàn có anh xấu bụng đói, nghe mùi thức ăn thơm ngon, anh chịu không nổi xin ở lại ăn cơm. Hoàng tử không đồng ý, khuyên cáo rằng:

- Không được, anh ở lại quỷ la sát sẽ ăn thịt anh.

Kê, ăn thì ăn, tôi ở lại, đói quá rồi.

Anh ở lại ăn no nê rồi thì quỉ la sát nó ăn thịt anh.

Người thích rượu ngon, người ưa sắc đẹp người ưa âm nhạc, người thích cao lương mỹ vị đi không được, nên bị quỉ la sát ăn thịt hết rồi! Trong đoàn chỉ còn lại một người với Hoàng tử. Cả hai tiếp tục đoạn đường còn lại, đi được khoảng hai phần ba đường thì một biệt thự khang trang hiện ra, trong nhà có một góa phụ với một tỷ nữ hầu hạ. Góa phụ ra đón mời hai người với lời giới thiệu ngôi biệt thự đầy đủ tiện nghi nào chẵn êm, nệm ấm, không thiếu món gì. Người bạn còn lại trong đoàn quá mỏi mệt, nghe nói nhà ở đầy đủ tiện nghi, anh thích quá nên ngó ý ở lại nghỉ một đêm, Hoàng tử ngăn:

- Không được, anh ở lại sẽ bị quỉ la sát nó ăn thịt.
- Không sao, tôi nghỉ một đêm rồi sẽ tiếp tục đi.

Thế là tối đêm đó quỉ la sát ăn thịt anh. Chỉ còn lại một mình Hoàng tử tiếp tục cuộc hành trình. Ngài biết năm người bạn đồng hành với Ngài, đều bị quỉ la sát ăn thịt hết rồi. Ngài hết sức là dè dặt cảnh giác. Còn lại một mình Ngài đi đến cuối bìa rừng thì thấy một căn nhà, trong nhà có hai vợ chồng trẻ đang gây lộn đánh lộn nhau. Cô vợ rất đẹp, bị chồng đánh, cô kêu ca, cầu cứu. Tuy thấy cảnh thương tâm, nhưng Hoàng tử không dám tới cứu, sợ quỉ la sát gạt, cứ làm lũi mà đi. Cô vợ kêu cầu Hoàng tử cứu không được, thấy Hoàng tử đi, cô chạy theo năn nỉ:

Xin Ngài cứu tôi, chồng tôi nó hung dữ đánh đập tôi, tôi khổ lắm, Ngài có lòng từ bi đâu để tôi khổ...

Nếu là người hùng, gặp cảnh thương tâm nhảy ra cứu giúp. Song, Hoàng tử biết quỉ la sát trá hình để gạt Ngài. Nên Ngài không nói gì hết, cứ làm lũi mà đi, nó cũng cứ đi theo Ngài mãi. Khi Ngài tới nơi, vào trọ nhà khách của quốc vương xứ ấy. Những người quản lý nhà khách quý trọng Ngài và cấp báo cho vua hay là có một khách quý từ nước láng giềng đến. Vua nghe cũng quý trọng, dẫn bá quan đến thăm Ngài. Khi gặp Ngài, nhà vua lại thấy bên cạnh Ngài có một cô gái thật đẹp, làm vua động tâm, nên mới hỏi:

- Người đàn bà theo khanh có phải là vợ khanh không?

Hoàng tử đáp:

- Cô này chắc là quỉ la sát, chứ không phải vợ của hạ thần.

Người đàn bà nói:

- Đàn ông bội bạc, khi thương nói vợ chồng, chừng giận nói quỉ la sát.

Nhà vua không biết cô ấy là vợ Hoàng tử hay quỷ la sát. Song, vì cô quá đẹp nên nhà vua mê mẩn tâm thần, hỏi lại một lần nữa để xác định:

- Cô này có phải là vợ của khanh không?

Hoàng tử khẳng định dứt khoát:

- Không phải vợ của hạ thần, cô là quỷ la sát.

Người đàn bà ấy cũng nói:

- Đàn ông bội bạc, khi thương nói vợ chồng, chừng giận nói quỷ la sát

Nhà vua quá sủng ái nàng, mới nói với Hoàng tử:

- Nếu nói không phải vợ khanh thì trăm rước nàng về cung.

Hoàng tử lại một lần nữa nói:

-Tâu bệ hạ, coi chừng cô ta là quỷ la sát.

Nhà vua truyền lệnh rước nàng về cung.

Tối đêm đó vua bị quỷ la sát ăn thịt, chỉ còn để lại một bộ xương. Bấy giờ nước không có vua, bá quan mới nghĩ: Vị khách quý này là một vị hoàng tử của nước láng giềng, qua được đường rừng la sát mà toàn tánh mạng, phải là người tài đức phi thường. Nay vua nước mình băng hà, nên thỉnh khách quý lên ngôi báu. Hoàng tử thứ một trăm lên làm vua, đúng như lòng nguyện ước của Ngài và lời dạy của Phật Bích Chi.

Chuyện này ngụ ý dạy cái gì? Ngôi vị ông vua ngầm chỉ cho Niết Bàn thanh tịnh, riêng quỷ la sát chỉ cho ngũ dục lạc thế gian. Người bị quỷ la sát ăn thịt dụ cho người tu đắm chìm trong ngũ dục, tâm thần mê muội, thoái tâm Bồ đề không tiến đạo được. Người tu muốn được Niết Bàn giải thoát thì đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc phải xa lìa, chớ có đuổi theo, chớ có nhiễm trước dính mắc. Ngược lại, đối với năm trần mà đuổi bắt, chấp trước thì khó mà đến Niết Bàn. Niết Bàn càng ngày càng xa.

Trong kinh Tạp A Hàm, Phật đưa ra một ví dụ. Có một tội nhân phạm pháp bị án tử hình. Sau đó vua xét lại, tha anh với điều kiện là anh phải bung đĩa dầu đầy, đi từ đầu đường đến cuối đường, không để rơi một giọt dầu thì sẽ khỏi tội chết. Nếu bắt cần để đĩa dầu chao, dầu đổ chỉ một giọt thì tên đao thủ đi sau liền chém đầu anh. Anh tội nhân được tha với điều kiện đó, mừng lắm, chấp nhận ngay. Trên đường đi từ đầu đường đến cuối đường, hai bên lè, chỗ nào cũng có gái đẹp, quán rượu, quán nhạc, đủ trò ăn chơi hấp dẫn. Anh tử tội chăm



chăm bung đĩa dầu đi, không dám nhìn qua liếc lại, vì biết sau lưng mình có tên đao thủ đi theo, hờ hên một chút, dầu đổ thì bay đầu. Với tâm trạng đó anh đi từ đầu đường cho tới cuối đường, dầu không đổ, anh thoát chết. Câu chuyện này ý nói gì? Anh tử tội là chỉ cho con người, ai ai rồi cũng phải chết, người già thì khoảng bảy tám mươi tuổi chết, người trung niên thì năm sáu mươi tuổi chết, người trẻ thì đôi ba mươi tuổi chết... trước sau gì cũng chết. Gái đẹp, quán rượu... những trò ăn chơi hấp dẫn chỉ cho ngũ dục lạc thế gian. Đĩa dầu đầy, dụ cho pháp tu mà Phật dạy. Người tu Tịnh độ câu niệm Phật ví như đĩa dầu, không bao giờ dám quên. Người tu Thiên, an trụ tâm trên hơi thở, trong Tứ niệm xứ... không bao giờ dám lơ lửng. Tên đao thủ đi sau lưng người tử tội, dụ cho quỷ vô thường đang chực sẵn cướp lấy mạng sống con người. Người tu biết rõ mọi thú vui của ngũ dục tuy hấp dẫn nhưng sẽ làm hại con người, làm cho con người hao mòn sức lực, sanh bệnh hoạn... không có giá trị thật nên không nhiệm trước nó. Muốn thoát khỏi cái khổ vô thường sanh tử là phải an trú tâm vào pháp tu mà mình đang thực hành, không dám xao lãng.

Quý vị có thấy quỷ vô thường rình quý vị không? Khi nhớ thì thấy, khi quên thì không, vì vậy mà nhìn qua ngó lại hoài nên tu hành không tới nơi.

Gần đây có một Phật tử hỏi tôi: - Thầy cát chùa có coi ngày không?

Tôi đáp: - Không.

Nếu gặp ngày sát chủ thì sao?

-Vậy Phật tử có biết ngày nào không sát chủ, cát chùa lên thầy trụ trì sống mãi mãi không chết?

-!!!

Đã có sanh ắt phải có tử, không chết sớm là chết muộn, trước sau gì cũng chết. Trên đời này có ai khỏi chết đâu! Tại sao cứ lo sợ hoài? Cái đáng sợ là pháp tu mà mình quên mình xao lãng, để cho tâm xao xuyên loạn động, phiền não ngăn che không thoát được luân hồi sanh tử. Muốn đến chỗ giải thoát thì phải chuyên nhất, an trụ tâm trên pháp tu của mình, không quên, không lơ lửng thì tâm mới an định. Tâm an định mới thoát ly sanh tử, không bị sanh tử chi phối. Bài kệ sau đây nói lên ý nghĩa người tu an trú tâm nơi pháp tu, cũng giống như kẻ tử tội bung bát dầu:

*Như người bung bát dầu*

*Đầy tràn không cho đổ*

*Cũng vậy, bảo vệ tâm*

## *Như bị phương hướng lạ*

Như vậy, tu muốn giải thoát, dễ hay khó? Người ta cứ nghĩ tu phải có pháp môn gì kỳ đặc biệt mới giải thoát được. Kỳ thật không phải vậy. Chỉ cần năm căn tiếp xúc với năm trần không nhiễm trước, không dính mắc là giải thoát.

Trở lại câu chuyện Phú Lô Na, sau khi Phật dạy năm căn không dính với năm trần là gần Niết Bàn. Còn năm căn dính với năm trần là xa Niết Bàn. Ngài hỏi tiếp:- Ông đi đến quốc độ nào?

- Bạch Thế Tôn, con qua nước phương Tây.

- Dân xứ đó hung dữ lắm, ông tới đó nếu họ mắng chửi nhục mạ, thì ông sẽ thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu người ta chửi mắng nhục mạ con, con nghĩ rằng dân xứ này còn lương thiện, vì họ mới chửi mắng nhục mạ chớ chưa dùng tay đánh, chưa dùng đá ném con.

- Giả sử họ dùng tay đánh, dùng đá ném ông, thì ông thế nào ?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ dùng tay đánh, họ dùng đá ném, con nghĩ rằng dân xứ này vẫn còn lương thiện, vì mới dùng tay đánh, dùng đá ném, chưa dùng gậy đánh, chưa dùng dao chém con.

- Giả sử họ dùng gậy đánh, dùng dao chém ông thì ông thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ dùng gậy đánh, dùng dao chém thì con nghĩ rằng họ còn lương thiện, vì họ chưa giết con chết.

- Nếu họ giết ông, thì ông thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ giết con, thì con nghĩ rằng dân xứ này tốt, vì đệ tử của Phật khi thấy thân này ô uế bất tịnh chán ngán nó, phải tìm người giúp cho nó chết. Còn con không mượn mà họ giúp giùm con bỏ thân ô uế này.

- Lành thay! ông có đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh, thì ông đến xứ ấy được.

Tôn giả Phú Lô Na qua xứ ấy, chỉ tu trong ba tháng an cư thì chứng quả A La Hán và độ được năm trăm người xuất gia.

Tôn giả Phú Lô Na thực hiện đúng như lời Phật dạy là sáu căn không dính mắc sáu trần làm căn bản, cộng thêm thái độ không giận hờn, không oán thù, trước mọi đối xử tệ hại của người, nên Ngài chóng đến Niết Bàn. Hiện tại nếu

có người mắng chửi hay đánh đập, chúng ta nhìn họ, nhưng trong tâm nghĩ đây là kẻ ác, rán mà nhìn nó. Nhìn mà thấy đó là kẻ ác, không phải là người lương thiện...Còn Tôn giả Phú Lô Na thì Ngài thấy là lương thiện vì mới chửi mắng chứ chưa đánh đập. Bị đánh đập Ngài cũng thấy là lương thiện vì chưa giết chết. Khi giết chết Ngài cũng nghĩ là lương thiện vì giúp Ngài sớm bỏ thân ô uế. Hại tới chết Ngài vẫn không oán hận. Còn chúng ta nếu bị người bức hiếp, không đánh trả lại, không nói ra lời, chớ tâm còn buồn phiền hờn giận; lúc nào cũng có chứa phiền chứa giận, nên tu lâu mà không đắc đạo là vậy. Thế nên quý Phật tử tu hành, điều cốt yếu phải hiểu giáo lý đúng với tinh thần Phật dạy là sáu căn không dính với sáu trần, đó là gốc của sự tu hành.

Từ trước tôi dẫn kinh A Hàm. Sau đây tôi dẫn kinh Đại Thừa, trong kinh Kim Cang ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm?

Phật trả lời:

- Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.

Nghĩa là chẳng nên khởi tâm dính mắc nơi sắc, nơi thanh, nơi hương, nơi vị, nơi xúc, nơi pháp, tức là không dính mắc với sáu trần, đó là an trụ tâm của người phát tâm Vô thượng Bồ đề. Thế nên Lục Tổ Huệ Năng khi nghe Ngũ Tổ giảng tới đây Ngài liền ngộ đạo nhận ra bản tâm của mình, thốt lên: Đâu ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh, đâu ngờ tánh mình vốn không sanh diệt... Để thấy từ kinh A Hàm đến kinh Đại Thừa, kể cả Thiên Tông đều dạy sáu căn không dính mắc sáu trần là gần Niết Bàn là giải thoát. Nếu để sáu căn dính mắc với sáu trần thì phiền não triền phược xa Niết Bàn, không giải thoát, đừng tưởng đi chùa nhiều, tụng kinh giỏi là mau giải thoát. Người tu phải hiểu rõ điều này.

Buổi nói chuyện hôm nay tuy tôi dẫn nhiều câu chuyện, nhưng trọng tâm không ngoài việc: sáu căn tiếp xúc với sáu trần không nhiễm trước không dính mắc, lúc nào tâm cũng an trú nơi pháp tu, không quên, không lơ lửng là gần Niết Bàn, là giải thoát.

---o0o---

## **CHƯƠNG 5: KHỔ VUI QUA MẮT KẼ MÊ NGƯỜI TỈNH**

Ở thế gian có những sự việc xảy ra, người mê lấy làm vui thích, người tỉnh thì không tán thán, lại có những việc người mê cho là khổ mà người tỉnh lại vui vẻ thực hành. Đó là điều mà tất cả chúng ta cần nên biết. Bởi vì cuộc sống giữa

đời này ai cũng sợ khổ cầu vui; thế nên chúng ta phải sống như thế nào để không khổ mà lúc nào cũng vui.

Trước tiên tôi nói cái vui của người thế tục. Ví dụ người đời lỡ mắc bệnh ghiền thuốc hay ghiền rượu, lúc không tiền hút thuốc hoặc uống rượu, ngay khi đó có ai cho điếu thuốc hay cho ly rượu, thì họ vui sướng vô cùng, họ thấy như có một niềm vui lớn đối với họ. Đó là cái vui của người ghiền thuốc, ghiền rượu. Trường hợp người ghiền rượu mà giàu có, thì rủ bạn bè năm bảy người vào quán, ăn nhậu say túy lúy. Nhờ uống rượu mà thỏa mãn cơn ghiền, nên họ cảm thấy vui sướng. Song, với người không ghiền rượu thấy gia cảnh người ghiền rượu, ghiền thuốc nghèo thiếu, hoặc thấy những người giàu có họp năm họp bảy chè chén say sưa cả ngày, thì họ cho đó là khổ. Người ghiền dụ cho người mê, người không ghiền dụ cho người tỉnh. Như vậy, cái mê của người mê, người tỉnh thấy là khổ; đồng một sự việc mà người mê và người tỉnh thấy khác nhau. Tại sao? Vì người mê chỉ biết tham vào thỏa mãn sở thích nhất thời nên thấy vui, chứ không thấy được cái nhân đau khổ về sau. Còn người tỉnh thì thấy một nhóm người tụ năm họp bảy chè chén say sưa, hao tiền tốn của là cái nhân gây đau khổ. Chi phí cho tiệc rượu đó, gia đình họ có thể sống trong năm ba ngày thì họ phải ra sức làm việc gấp năm ba lần mới đủ cung cấp tiền cho gia đình sống. Đó là cái khổ về thân. Còn cái khổ về tâm: Nếu người có gia đình rủ bạn bè ngồi quán rượu chè chén hết tiền, về nhà bị vợ cằn nhằn gây gổ. Đó là chưa nói đến người uống rượu say mèm, đi nghiêng tới ngã lui, về nhà nằm ụa mửa hôi hám, làm nhor bản cả nhà cửa, làm cho vợ con chê chán, cha mẹ buồn phiền. Uống rượu lâu ngày sanh ra bệnh hoạn nào đau dạ dày, xơ gan, viêm thực quản... đó là cái khổ của nhiều ngày về sau. Cái vui của người mê là cái vui trá hình của đau khổ, nên người tỉnh thấy là khổ, là thấy đúng lẽ thật. Chúng ta biết tu là tỉnh, nhờ tỉnh mới thấy những cái khổ mà người thế gian tưởng là vui, để tránh. Đó là cái vui và khổ của người tỉnh và người mê đối với thuốc và rượu.

Tới đây là cái vui và khổ của xì ke á phiện đối với kẻ mê người tỉnh. Có lắm người nhiều tiền nhiều của, hay những người trai trẻ bất đắc chí muốn tìm khoái lạc nên họ hút á phiện. Lúc đầu hút năm ba điếu thấy sáng khoái lâng lâng như người thoát tục, nên rất thích thú, sau đó tìm hút hoài... Đó là cái mê của người hút á phiện. Song, vì hút nhiều lần nên ghiền, ngày nào không hút thì ụa ngáp oằn oại trong cơn ghiền. Hút lâu ngày hao mòn sức khỏe, thân thể gầy ốm bệnh hoạn, sống dở sống chết dở chết. Đó là chưa nói đến hao tiền tốn của, tán gia bại sản vô gia cư, vô nghề nghiệp... vô cùng thiếu khổ. Cách đây vài năm có một chú thanh niên trên hai mươi tuổi, không biết từ đâu đến trước cổng chùa xin ăn, thân thể gầy ốm trơ xương. Hỏi ra mới biết chú ghiền á phiện, phá của, cha mẹ không cho ở nhà, đuổi đi, nên sống lang thang nay đầu đường mai cuối ngõ để xin tiền. Xin được chút ít tiền thì mua á phiện hút hoặc chích cho đỡ ghiền, bữa nào xin không được tiền thì nằm ra đó thật là đau khổ. Người mê làm

tưởng hút á phiện là vui nên lao vào. Khi ghiền rồi thì cha mẹ, vợ con, anh em bỏ, sống dở, chết dở thật là đau khổ. Người tỉnh sáng thấy á phiện gây cho người hút một chút khoái cảm buổi đầu, nhưng đó chính là cái nhân đau khổ về sau, như thân tàn ma dại, tán gia bại sản, trộm cắp của người, cha mẹ, anh em từ bỏ, bạn bè xa lánh... Vì vậy mà tránh ngay từ buổi đầu nên quả khổ không có. Đó là cái vui và cái khổ của người tỉnh và người mê đối với á phiện.

Sau đây là cái vui và khổ của việc làm không lương thiện. Mấy đứa trẻ mười ba mười lăm tuổi, bắt cá lia thia, bắt đé nhốt chung cho nó đá lộn với nhau. Con này rượt con kia chạy thì chúng nó vỗ tay reo cười. Hoặc có người nuôi gà nòi, gà tre, ngày ngày cạo chuốt cái cựa gà cho bén để đi đá lộn. Khi hai con gà đá nhau, cựa con gà này chích vào thịt con gà kia máu chảy, con gà kia chạy, con gà này rượt theo... thì họ vỗ tay vui cười. Đó là cái vui của tâm tàn nhẫn thiếu đạo đức, lấy cái khổ của chúng sanh làm cái vui cho mình.

Lại có những người coi đấu võ trên đài, hai võ sĩ quần thảo với nhau, đến hồi quyết liệt, võ sĩ này đánh thắng võ sĩ kia, thì ở dưới đài khán giả vỗ tay hoan nghinh. Tôi có quen một vài võ sĩ, có lần tôi hỏi họ: “Tại sao nở xuống tay hạ người ta đo ván như vậy? Có lợi gì cho mình mà làm như thế?”. Vị ấy trả lời rằng: “Thưa thầy, khán giả họ độc lắm, lên khán đài mà mình đánh nhẹ nhẹ với nhau, thì họ cho rằng mình đánh cùi, họ la lên phản đối. Nếu mình đánh thắng tay thì đối phương phải gục ngã, khi thấy có người bị hạ thì họ vỗ tay hoan nghinh reo cười...”. Chúng ta thấy, trước người ta vui trên cái khổ của loài thú như dê, gà, tới đây người ta vui trên cái khổ của con người. Võ sĩ biểu diễn tài nghệ qua thuật đánh nhẹ, thì người ta không thích, lại muốn họ đâm đá nhau đến gục ngã thì người ta mới vui! Thật tâm người không lương thiện! Là Phật tử chúng ta đặt cái vui của mình trên cái vui của người, làm cho người vui thì mình mới vui. Nếu làm khổ cho người thì không bao giờ làm. Những cái vui trên việc làm mà tôi vừa kể, tức là làm khổ vật, làm khổ người để mua vui cho mình, đó là cái vui phi đạo đức, cái vui của kẻ mê, không phải cái vui của người tỉnh.

Lại nữa, có những chú thanh niên, mười lăm, mười bảy tuổi dùng ná hoặc dùng súng nhỏ đi vào vườn vào rừng tìm thú để bắn. Trên cành cây, chim trống chim mái đang đậu rìa lông, hoặc kêu hót rất dễ thương. Thế mà mấy chú vươn ná hoặc súng nhắm bắn. Một con chim bị thương té nhào xuống đất, thì các chú xúm lại vỗ tay vui mừng. Đoạn mạng sống của chúng sanh là hành động xấu. Làm việc ác xấu mà lấy làm vui! Chẳng những người bắn vui mà những người ở chung quanh cũng vỗ tay vui hùn nữa! Chúng ta vui trên cái chết chóc của loài vật! Giết được một con vật thì khởi niệm vui mừng, thật lòng người quá ác! Từ thái độ xem thường mạng sống của loài vật, lần lần sẽ xem thường mạng sống của loài người, để đi đến chỗ giết người!

Lại có người tham lam thấy người ta đeo vòng vàng liền giựt lấy, được của, đem về nhà vợ chồng con cái vui cười hỷ ha, trong khi người bị mất của thì buồn khổ. Hoặc những kẻ ăn trộm, lén đào ngạch khoét vách lấy trộm của người, đem về nhà họ cùng vợ con ăn tiêu vui vẻ, không hề nhớ tới cái khổ của người mất của. Như thế, chủ khổ nhiều chừng nào thì kẻ trộm càng vui chừng nấy. Từ chỗ quen tay lấy trộm của người, lần đến chỗ cướp của giết người, không e ngại không góm tay, miễn thỏa mãn thú vui của mình thì làm. Cái vui đó quá tàn ác, không chút lương tâm... Thế mà ở thế gian này có lắm người làm như vậy! Đó là những kẻ mê, do mê nên mới đặt cái vui trên cái khổ của người khác. Người tỉnh thì không bao giờ vui trên khổ của kẻ khác. Chúng ta là người tu là người tỉnh thì phải tránh mọi hành động, mọi vui chơi có phương hại gây đau khổ đến người vật.

Lại có những người chạy theo sắc dục, lấy đó làm vui. Chẳng hạn một chú thanh niên, cùng một lúc giao tiếp với năm bảy cô gái và được các cô ái mộ, chú lấy đó làm vui thích, tự hào là kẻ tài hoa được nhiều người yêu thương. Nhưng chú không ngờ cái vui đó là cái vui trên cái khổ. Khổ vì thân xác hao mòn, khổ vì tâm thần rối rắm... Nhiều người đã có gia đình lại còn lười thôi, nay thay chồng mai đổi vợ, họ lấy đó làm vui. Họ không ngờ mỗi lần đổi thay là mỗi lần đau khổ, con cái đờ đẫn thiếu cha thiếu mẹ, nó bơ vơ khôn khổ. Cái vui ích kỷ của cha hoặc mẹ làm cho con cái khổ sở, khôn đốn mà người làm cha làm mẹ không bao giờ nghĩ đến, cứ sống theo thị dục thú vui riêng của mình!

Lại có những người có máu cờ bạc, lấy sự đánh bạc làm vui. Khi được thì đem tiền về sắm sửa ăn mặc, thết đãi bà con bạn bè, lúc đó lấy làm vui vẻ thích thú. Nhưng khi thua thì buồn khổ. Khổ vì hết tiền nghèo nàn đói rách, nhà cửa tan hoang, nợ nần bủa vây, nay người này đòi nợ, mai người kia đòi nợ, đòi mà không có tiền trả thì bị nặng lời hoặc bị mắng chửi... Cờ bạc ăn thì ít mà thua thì nhiều, nên khổ nhiều hơn vui, vui trên đau khổ.

Với người biết tu thì tránh xa những thú vui vừa kể, mà vui với những thú vui của hạnh nghiệp lương thiện, phù hợp đạo lý, vui mà không làm phiền làm khổ ai cả. Ví dụ như ăn chay, mỗi tháng người Phật tử ăn chay hai ngày, hoặc sáu ngày, hoặc mười ngày... Thoạt nhìn, thấy ăn chay là khổ, vì không được ăn uống tự do phải hạn chế thức ăn, ăn không ngon miệng, mau đói... Song, đối với người biết tu, ăn chay được, họ lấy làm vui, vì không giết hại sinh vật để bồi bổ cho xác thịt của mình. Một ngày không giết hại là một ngày không làm khổ chúng sanh. Một ngày không làm khổ chúng sanh là một ngày an vui. Cái vui của người ăn chay là cái vui tránh khổ cho loài vật, nhờ vậy mà lòng từ tăng trưởng. Ăn chay là tránh sát sanh, không làm tổn hại sanh mạng loài vật là vui. Chớ không phải hôm nay là ngày chay, nhiều người cử ăn thịt cá, nên cá thịt rẻ, ra chợ mua, nhất là mua cá đem về bỏ trong hủ rộng, để mai một ăn cho đỡ tốn kém. Nếu tính như vậy là còn nhiều ích kỷ quá! Chưa có thật vui! Thế nên

chúng ta phải thấy rằng: ăn chay cốt không làm tổn hại sinh mạng chúng sanh, tránh được tội lỗi, làm được điều tốt, tiết dục không ham muốn nhiều, vì ít muốn thì an vui.

Kinh A Hàm, Phật dạy người tukhi “ly dục sanh hỷ lạc” thì chứng sơ thiên. Do lìa (ly) ngũ dục: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, hoặc tài, sắc, danh, thực, thù thì sanh hỷ lạc. Hỷ lạc là vui, do lìa ngũ dục mà được vui, chứ không phải thọ ngũ mà vui. Đó là tôi kể sơ qua những cái vui của người biết tu, và cái vui của người không biết tu tâm ô nhiễm theo trần tục. Người không biết tu thì vui trên cái khổ của kẻ khác hoặc của loài vật. Còn người biết tu thì vui khi tránh được điều ác, không làm tổn hại người vật, làm được việc thiện lợi mình lợi người. Thế nên nói người tu được cái vui thoát tục, tức là vượt khỏi cái vui tầm thường của người thế gian.

Ở thế gian có những người thanh niên trẻ tuổi, sống với cái vui thoát tục xa lìa ngũ dục, ăn chay lo tu tỉnh, thì bị những người thọ hưởng ngũ dục, phê bình châm biếm cho là ngu dại, không biết thụ hưởng thú vui ở đời. Chúng ta nghiệm xét lại người uống rượu, hút á phiện, cờ bạc...và người không uống rượu, không hút á phiện, không cờ bạc... sẽ đưa đến nghèo đói, bệnh hoạn, nhà tan cửa nát... Người dùng nó không thấy hậu quả việc làm của mình, cứ chạy theo thị hiếu, thỏa mãn lòng tham muốn, cuối cùng tự chuốt khổ họa vào thân thì không khôn, không phải là người trí. Người trí biết cờ bạc, rượu chè, hút sách... là cái nhân đưa đến nghèo đói, bệnh hoạn, khổ đau, nên tránh, tự thân không bị khổ và không làm phiền lụy cho người khác, đó mới là người khôn.

Kinh A Hàm, Phật dạy: “Sắc, thanh, hương, vị, xúc, tất cả những pháp này khả lạc, khả hỷ, khả ý. Khi nào chúng ta hiện hữu, thế giới chư thiên xem chúng là khả lạc, khi chúng bị hoại diệt mới thấy chúng là khổ. Bạc Thánh thấy là lạc khi có thân đoạn diệt, Đây hoàn toàn trái ngược điều mọi người được thấy. Điều người khác gọi lạc, bậc Thánh gọi là khổ; điều người khác gọi khổ bậc Thánh biết là lạc, hãy xem pháp khó biết, kẻ không thấy mê mờ”. Ở đây Phật dạy rằng người đời khi được những món ngũ dục, sắc, thanh, hương, vị, xúc thì cảm thấy vừa ý cho là vui. Chẳng những người đời, mà cả chư thiên cũng thấy như thế. Người trời thấy ngũ dục là vui nhưng khi chúng bị hoại diệt, tức là khi chúng mất đi thì chừng đó mới thấy khổ. Còn bậc Thánh thấy vui, khi nơi thân này mình đoạn diệt được tham trước ngũ dục lạc, là cái mầm dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Cái vui khi dứt mầm sanh tử mới là cái vui chân thật vĩnh viễn.

Cái vui của bậc Thánh khác với cái vui của phàm phu; cái vui của phàm phu bậc Thánh cho là khổ, cái vui của Thánh nhân phàm phu cho là khổ. Thí dụ một tu sĩ ăn mặc đơn sơ thường tọa thiền dưới cội cây. Người nhậu nhẹt ăn chơi cho sống tiết chế kham khổ như thế là ngu không biết thụ hưởng thú vui của đời. Ngược lại bậc Thánh thấy người đời vui say ngũ dục ăn chơi trà đình tửu

điểm, cho đó là mê mờ thiếu trí tuệ đem lòng thương xót. Thế nên người đời phải khéo biết cái vui nào là cái vui chân thật trường cửu, để duy trì và gìn giữ. Cái vui nào trá hình của khổ đau để tránh. Thấy như vậy sống như vậy là không bị mê mờ. Nhược bằng cứ chạy theo cái vui trá hình của khổ đau, thì vui trong chốc lát mà khổ lâu dài, sống như vậy là mê mờ thiếu trí tuệ.

Sau đây tôi nêu lên những cái vui của người tỉnh. Người biết tu tỉnh khi tâm hồn bình thản thanh tịnh thì vui. Lúc ngồi dưới gốc cây, bên sườn núi, cảnh vắng vẻ, nhìn trời mây, nhìn cây cỏ hoa lá, tâm hồn thanh thản an định, cảm nhận một niềm vui tràn khắp thân tâm cảnh vật. Người tỉnh tu khi tâm thanh tịnh, vui trên sự thanh bình của vạn vật, không làm tổn hại bất cứ loài vật nào, không tổn hại sức khỏe, cũng không hao tiền tốn của. Người đời ở chỗ vắng vẻ thì buồn chán, thường vui ở nơi nhộn nhịp ồn ào.

Lại nữa, người tỉnh tu vui khi phá được vô minh phiền não. Giả sử có người gièm pha chỉ trích, nói lời nhạo báng Phật pháp. Người tu nghe qua khởi niệm bực bội, muốn nói lại cho đã giận. Liên khi đó tỉnh giác, biết giận là phiền não mê mờ nói lời xúc phạm gây buồn đau cho người là tội lỗi. Ngang đó liền thôi, cơn giận từ từ lắng xuống. Sau đó tâm được bình an, lòng vui sướng thấy mình chiến thắng được phiền não sân giận. Nếu không thắng được cơn giận thì phát ngôn bừa bãi, nói ra những lời đau đầu nhức óc, kể nói qua người trả lại. Lúc đầu thì đầu khâu, sau đó thì đầu tay chân... Như vậy, chỉ là khổ thôi, chẳng lợi ích gì! Giờ đây tự phản tỉnh, thấy rõ từng tâm niệm của mình, niệm sân vừa khởi liền biết, không chạy theo nó. Đó là tự thắng mình, thắng được phiền não sân giận. Thế là mình được an ổn và mối quan hệ giữa mình và người bình thường vui vẻ, không có chuyện buồn ghét xảy ra. Thế nên nói người biết tu, vui khi thắng được phiền não, một cơn giận một niệm buồn khởi lên, liền biết dừng ngay. Cứ thế mà tu tỉnh hằng giờ, hằng ngày, hằng tháng, hằng năm thì sự an vui cũng hằng hữu trọn giờ, trọn ngày, trọn tháng, trọn năm... Ngược lại, hễ ai đụng tới là buồn giận, không phản tỉnh, không biết dừng thì buồn khổ hoài. Như vậy, phá được vô minh phiền não là gốc vui chân thật. Ngược lại để cho vô minh tăng trưởng, không điều phục nó là gốc của đau khổ. Vì vậy mà người tu phải thường xuyên phản tỉnh, chế ngự phiền não để được an vui, ở thế gian có nhiều người thật đáng thương, hễ ai nói hay làm điều gì trái ý thì họ nói hoặc làm trả lại bằng, hoặc hơn mới vừa lòng. Hơn thế nữa, họ còn hài lòng thích thú cho lời nói và việc làm của mình là hay, là khôn, là đắc thắng. Họ không ngờ nói làm như thế, khiến cho người ta buồn giận là mình đã gieo cái nhân bất thiện, mai kia sẽ thọ nhận quả báo khổ đau.

Lại nữa, người tỉnh tu vui khi làm lợi ích cho người. Ví dụ người làm việc từ thiện xã hội đem được gạo tiền, thuốc men, quần áo... đến tận vùng bảo lụt, đưa tận tay cho người mắc nạn, giúp cho họ được no lòng, ấm thân... thì thấy lòng mình vui sướng, vì đã làm được điều lợi ích cho người. Hoặc một ông thầy



giảng dạy hướng dẫn cho học trò học hành thông suốt giáo lý Phật, biết sống đời lương thiện, ít khổ đau thì vui, vì đã giúp cho người sáng suốt tránh được nhân đau khổ. Người tỉnh giác càng làm lợi ích cho người, càng giúp cho người sáng ra là càng vui. Niềm vui chân thật lâu dài.

Lại nữa, người tỉnh tu vui khi bỏ bóng nhận đầu, là niềm vui cao siêu bất tuyệt. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm đức Phật có kể cho ngài A Nan nghe một ví dụ: Có một anh chàng tên Diễn Nhã Đạt Đa, vào một buổi sáng nọ anh cầm gương soi mặt thấy đầu mặt hiện bóng trong gương rõ ràng. Sau đó anh úp gương lại, anh thấy đầu mặt trong gương không còn nữa. Anh hoảng kinh chạy cùng làng cùng xóm la: Tôi mất đầu rồi! Tôi mất đầu rồi! Đó là cái điên của người nhận bóng quên đầu. Cái bóng trong gương mất chớ cái đầu của anh đâu có mất, vẫn còn sờ sờ đó! Vì mê, chấp bóng là đầu nên anh khổ sở điên cuồng la lối... Người tỉnh tu biết quên bóng, nhớ đầu; khi thấy đầu mặt trong gương không còn, chợt tỉnh, liền sờ lại đầu, thì đầu mình hãy còn đấy! Nên nói bỏ bóng mà nhớ đầu là cái vui chân thật. Trong kinh Pháp Hoa có nêu lên ví dụ: Gã cùng tử con ông trưởng giả giàu có, vì khờ dại bỏ nhà bỏ cha đi lang thang phiêu bạt khắp nơi, thân đói rách nghèo nàn, xin ăn hoặc làm thuê làm mướn sống qua ngày. Một hôm anh nhớ cha mẹ quê hương, anh trở về quê cũ gặp lại cha, ông trưởng giả nhận anh là con đẻ, ông trao cả gia sản sự nghiệp cho anh. Anh được niềm vui lớn không thể diễn tả, nên nói là cái của cùng tử gặp cha. Dụ như thế quý vị có hiểu gì không? Từ xưa đến nay, mỗi người chúng ta ai cũng có sẵn ông Phật nơi mình mà quên đi, cứ chạy theo vọng tưởng rồi tạo nghiệp dẫn đi trong luân hồi sanh tử, từ đời này đến kiếp nọ khổ đau không cùng tận. Giờ đây biết vọng tưởng là vô thường không thật dẫn mình đi trong luân hồi sanh tử khổ đau, quyết định phải trở lại sống với ông Phật của mình, thì được cái vui bất diệt. Nên nói gã cùng tử dừng bước lãng du trở về gặp cha, giàu có sung sướng. Đó là cái vui của gã cùng tử gặp cha.

Quý vị nghe tôi giảng này giờ, quý vị nhận thấy tu là vui hay khổ? Nếu quý vị thấy tu là vui, thì quý vị hãy nỗ lực cố gắng tu, để trở về cái chân thật hằng hữu được cái vui bất tuyệt. Ở thế gian này có ai giàu có thọ hưởng ngũ dục một cách đầy đủ mà khỏi đau bệnh, già yếu, chết chóc không? - Từ ngàn xưa đến nay không ai tránh khỏi! Thế mà hưởng được cái vui giàu sang sung sướng chỉ được mấy mươi năm, chúng ta tưởng là lâu dài, rồi cứ mãi mê đuổi bắt nó. Khi nào chúng ta thoát ra khỏi cái khổ sanh tử thì mới được cái vui chân thật lâu dài. Nếu còn ở trong sanh tử dẫu có nhiều tiền lắm của rồi cũng tiêu hoại. chỉ có người biết trở về cái chân thật, tâm hết vô minh phiền não mới thoát khỏi mọi khổ đau, được cái vui chân thật bất diệt.

Qua những dữ kiện vừa nêu, cho chúng ta thấy người đời không sáng suốt lấy cái khổ của người làm cái vui của mình; vui trên sự đau khổ của người vật. Còn người chân chánh tu hành hằng sáng suốt không bao giờ thừa nhận mình

vui trên sự đau khổ của người vật, mà ngược lại lấy cái vui của mình; đem sự an vui đến cho người vật. Tất cả chúng ta phát tâm tu là phát nguyện sống đời an vui bất tận, chẳng những trong đời này mà vĩnh viễn về sau. Muốn được như thế chúng ta phải làm sao? Nên nỗ lực tu hành hay lười biếng giải đãi? Người tu hành thoạt nhìn thấy như thiệt thòi khổ sở vì không thọ hưởng những cái vui sướng của thế gian, lại khép mình trong giới điều nghiêm nhặt để tinh tiến tu hành. Vậy, người đã phát tâm tu theo đạo Phật thì suốt đời phải tinh tấn tu hành, chớ không phải tu một thời gian rồi ngừng nghỉ không tu nữa. Nhứt là người già phải nỗ lực tu nhiều hơn, vì già cái khổ tử vong gần kề. Nếu không lo tu hành khi cái chết đến làm sao trở tay kịp? Thế nên người phát tâm tu chẳng những khi còn trẻ lo tu hành mà lúc già lại phải tu nhiều hơn, như thế mới có được nguồn an vui chân thật, dứt mọi khổ đau.

Tóm lại, đạo phật là đạo diệt khổ, đem vui đến cho chúng sanh, và chính đạo Phật là chỗ an bình là chỗ nương tựa an vui chân thật, muôn đời của tất cả loài người.

---o0o---

## **CHƯƠNG 6: LÀM SAO BỎ ĐƯỢC THAM - SÂN - SI**

Hôm nay quý Phật tử đến chùa, xin tôi nói pháp hướng dẫn nhắc nhở cho quý vị tu hành. Riêng phật tử ở Biên hòa, mấy năm nay được nghe kinh nhiều, hơn nữa quý vị hiện có mặt ở đây đa số là người lớn tuổi. Nên tôi không nói đạo lý cao siêu, mà chỉ nhắc cho quý phật tử biết rõ ý nghĩa tu hành. Vì quý vị đã nghe kinh hiểu đạo, giờ cần thiết là phải tu.

Thế thường nói đến tu hành người đời thường hiểu lầm rằng: Tu là phải bị hành phạt, tự hành phạt cách này cách nọ. Hiểu như thế là không đúng. “Hành” đây có nghĩa là thực hành điều mình đã học qua kinh luận Phật Tổ dạy, chớ không phải học hiểu suông. Nhiều phật tử đến chùa nghe chúng tôi giảng dạy đã hiểu mà về nhà không thực hành. Học đạo như thế là chưa tròn ý nghĩa. Ví dụ có người bệnh đến nhờ bác sĩ khám bệnh, bác sĩ khám xong đưa toa và dặn rằng: “Ông uống theo toa thuốc này thì bệnh sẽ hết”. Người bệnh nhận được toa thuốc hay mừng quá, cầm đọc thuộc lòng, mà không chịu mua thuốc uống. Như vậy bệnh có hết không? Chắc chắn là không hết dù thầy giỏi thuốc hay. Thế nên, khi được toa thuốc rồi phải mua thuốc uống mới hết bệnh. Hiện tại quý phật tử nghe kinh học đạo biết tham, sân, si là xấu, là bệnh. Vậy quý vị bỏ được chưa? - Chưa. Đây là điều mà tôi muốn nhấn mạnh hôm nay. Chúng ta học kinh luận, ai cũng biết sân là món độc làm tiêu mòn hết công đức tu hành. Một lần nổi sân thì bao nhiêu công đức tu hành gây tạo hồi nào đến giờ ngang đây liền tiêu tán. Chẳng hạn từ trước đến giờ quý vị đối xử với mọi người rất tốt, giúp ích đỡ đần họ mọi việc, nên họ biết ơn và thương mến quý vị. Nhưng một hôm nào đó họ làm điều bất chánh, khiến cho quý vị bực mình nổi sân la chưởi họ làm

cho họ ghét quý vị, thì công ơn mà quý vị giúp họ mấy năm qua không còn nữa. Chỉ một phút giây nổi sân là công đức tiêu tan hết. Sân giận tác hại như thế! Quý vị học ba năm qua, buông bỏ sân giận được bao nhiêu rồi? - Dạ chút chút. Học ba năm mà bỏ được chút chút, như vậy là tiến chậm quá! Học Phật mà chưa bỏ được tham, sân, si là chưa có thực hành, chưa có tu, thì sẽ bị nhười đời chê cười: Chị đó đi chùa học đạo đã lâu, thế mà đưng tới chị nổi sân âm âm, học đạo như vậy đâu có lợi ích! Chính vì vậy mà hôm nay tôi phải nhắc nhở quý vị. Những điều quý vị đã học thì phải nỗ lực tu hành và phải nhớ đi chùa về nhà ai nói gì cũng nhin cũng vui vẻ.

Năm vừa qua có một phật tử từ Bến tre đến Thiền viện, lúc mười giờ trưa, gần tới giờ thọ trai. Ông xin tôi cho hỏi hai câu, được giải đáp xong là ông về Bến tre liền. Ông hỏi:

- Thưa Thầy, con học đạo hiểu đạo, ăn chay trường, tụng kinh niệm Phật. Nhưng không biết tại sao nóng giận con bỏ chưa được, tham lam con bỏ cũng không được, thấy cái gì đẹp con cũng ham. Xin Thầy chỉ dạy con phương pháp bỏ được tham, sân, si?

Quý Phật tử hiện có mặt ở đây có giống phật tử Bến tre này không? Đa số phật tử đều vấp phải lỗi này. Vậy làm sao bỏ được nóng giận, làm sao bỏ được tham lam? Tụng kinh niệm Phật cũng chưa hết tham sân. Còn tụng kinh, còn niệm Phật thì tham sân tạm lóng lặng một chút. Ngưng tụng kinh, thôi niệm Phật gặp duyên thì tham sân vẫn bộc phát. như vậy làm sao cho hết tham sân? Tôi hỏi đạo hữu ấy rằng:

- Theo đạo hữu thì mỗi khi người ta làm trái ý đạo hữu, đạo hữu nổi giận lúc ấy đạo hữu phải làm sao?

- Thưa, phải nhin.

- À nhin lần thứ nhất. Nhưng lần thứ hai họ làm nữa, đạo hữu ráng nhin lần thứ hai. Lần thứ ba họ làm nữa thì đạo hữu làm gì? Chắc nói: “Tôi nhin lần thứ ba rồi nghe, lần nữa là tôi không nhin đó!”. Phải vậy không? Bởi nhin đây là do đê. Vì đê nên quá sức chịu đựng thì bung. Vậy, muốn không giận mà cũng không cần nhin phải làm sao? - Cần thấy rõ nguồn gốc sanh ra nó. Sở dĩ chúng ta có tham lam, có sân giận là do chấp ngã, thấy mình quá cao, quá lớn, muốn như thế này, muốn như thế nọ; muốn mà không được thì tức giận. Ví dụ quý vị ở nhà với quyền làm cha làm mẹ, mỗi khi con cái làm điều gì trái ý liền nổi giận la rầy. Còn đến cơ quan chính quyền, họ làm ngược ý, quý vị có dám giận không? - Không. Tại sao con cái làm trái ý quý vị giận còn chính quyền làm ngược ý quý vị không dám giận? - Tại sợ. vì đến cơ quan chính quyền, quý vị tự thấy mình thấp hơn họ, nên sợ không dám giận. Còn con cái trong nhà, quý vị thấy nó nhỏ, cái ngã quý vị cao lớn hơn nó nên dễ nóng giận. Rõ ràng bệnh sân

giận gốc từ chấp ngã mà ra, chấp ngã là do si mê. Như vậy, muốn hết sân giận phải phá trừ chấp ngã, làm cho cái ngã mòn đi, thấp xuống. Đó là then chốt của sự tu hành. Sở dĩ chúng ta chấp ngã là do chúng ta thấy thân tâm mình là thật, nên quý nó, thấy nó cao trọng hơn mọi người, lo vun bồi tô đắp cho nó to lớn thêm. Giờ đây quán chiếu thấy nó vô thường, duyên hợp tạm có không thật, thấy như thế niệm chấp ngã liền tan.

Đa số người học Phật, thấy Phật Tổ dạy trong kinh luận: Thân này là vô thường giả tạm, chúng ta cũng nói theo thân này là vô thường giả tạm. Chớ tự mình chưa có kinh nghiệm bằng trí tuệ thấy rõ thân này vô thường giả tạm; nên miệng nói thân vô thường giả tạm, mà ý niệm cứ nghĩ mình thật, mình sống lâu, nên tham lam sân giận mãi không hết. Giờ đây phải dùng trí quán sát thân nà thật là giả, thì tham sân ngang đó liền hết. Bây giờ quý vị hãy nghe tôi hỏi:

- Hiện tại chúng ta ngồi đây, lỗ mũi đang làm gì?

- Dạ đang thở.

- Thở là sao và để chi?

- Thở là hít không khí của trời đất để sống.

- Không khí ở ngoài của trời đất, chúng ta hít vô là mượn, mượn vô rồi trả ra, trả ra rồi mượn vô, mượn vô rồi trả ra... mượn trả đều đặn gọi là sống. Nếu trả ra mà không mượn vào thì sao?

- Dạ chết.

Như vậy, kiếp sống của con người là một việc vay mượn, còn trả ra còn mượn vào là còn sống, hết mượn hết trả là chết. Vậy làm việc vay mượn có thể gọi là mình sống thật không? Ví dụ gia chủ cất được một cái nhà, mà chưa sắm được đồ đạc, nên mượn tủ bàn ghế... của hàng xóm để trang trí trong nhà. Những món đồ mượn của hàng xóm nói là do của mình thật được không? Đồ mượn là phải trả, nó đâu thật của mình! Cũng vậy, thân này mượn không khí vô rồi trả ra, trả ra rồi mượn vô, còn mượn là còn sống, trả ra không mượn vào thì chết làm sao nói thân này là thật được? Thân này chẳng những mượn không khí, mà còn phải mượn nước; mượn nước rồi cũng trả, trả rồi mượn nữa... Một ngày, một tuần không mượn nước có sống không? - Dạ chết! Chẳng những mượn không khí, mượn nước, mà còn phải mượn cơm nữa. Một lát mượn một chén cơm, hai chén cơm, ba chén cơm... mượn rồi cũng phải trả. Phật nói thân này do tứ đại đất, nước, gió, lửa hợp lại mà thành. Hợp rồi nó không tự sống, không tồn tại được, mà phải mượn đất nước, gió, lửa bên ngoài bồi bổ luôn luôn; thở là mượn gió, uống là mượn nước, ăn là mượn đất, trong thức ăn có những chất nóng là lửa. Đất, nước, gió, lửa có sẵn trong thân mà không tự tồn tại được, phải

tiếp tục mượn đất, nước, gió, lửa bên ngoài luôn luôn. Còn vay mượn là còn sống, trả mà không mượn là chết; kể cả bốn thứ, thứ nào trả mà không mượn là chết ngay. Như vậy kiếp sống con người là một cuộc vay mượn, đã là vay mượn thì không thể nhận là thật được. Cuộc sống đã không thật thì cái gì thật là NGÃ mà chấp “ta là quan trọng, ta là trên hết”? Khi thấy thân này vay mượn tạm bợ không bền không lâu, có gì quan trọng để tham lam sân giận? Giả sử có người nói những lời mắc mớ, nặng nề, nếu mình thấy thân mình tạm bợ không thật, thì bỏ qua không chấp, không cần đè nén gì hết. Chẳng hạn người đau nặng hấp hối sắp chết, nếu ai chưởi mắng họ, họ có chưởi lại không? - Không, vì lúc đó họ lo thờ, đang chờ chết đâu để ý chưởi lại. Do con người lúc nào cũng thấy thân tâm mình thật sống lâu, nên chống đối chưởi lại. Như vậy, khi nào thấy thân tâm mình thật sống lâu thì lúc đó có hơn thua... Còn lúc nào thấy thân tâm tạm bợ giả dối thì lúc đó không còn hơn thua, hết tham lam sân giận.

Từ đây quý Phật tử nhớ rõ thân này là tạm bợ giả dối, nó là sự vay mượn không bền lâu; hơn thua để làm gì? Nếu không hơn thua là mình đã nhịn rồi phải không? Nhịn như thế có ngu không? - Không. Chúng ta nhịn mà không đè nén gì hết, thấy thân tạm bợ giả dối nên không hơn thua tranh chấp. Ngày nay mình còn ở đây, ngày mai chắc gì còn, nếu cứ tranh giành hơn thua không chịu lo tu, chết đến sẽ khổ đau. Người bỏ qua những chuyện hơn thua để tu; tu để ngày mai được an vui thanh nhàn, đó là người trí. Còn những người cứ câu mâu hơn thua làm khổ với nhau, chẳng những khổ trong hiện tại mà khổ cả ngày mai; người như thế không khôn. Như vậy, chính vì người trí thấy thân này tạm bợ vô thường, cuộc sống quá ngắn ngủi, lo tu hành, bỏ qua mọi chuyện tranh chấp hơn thua. Do không hơn thua nên người đời nói là nhân; sự thật không có nhân. Với mắt trí tuệ thấy người vật không bền không thật nên không chấp; không chấp nên được an vui, do không chấp mà tâm được an vui nên đối với người không chấp dù có mắng chưởi họ, họ vẫn cười không giận. Không như người đời nghe thấy ai nói làm hơn mình, cố gắng đè nén, đè nén quá sức chịu đựng thì nổ bung, la lối mắng chưởi lại. Như thế là chưa điều phục được sân giận. Muốn điều phục sân giận có kết quả tốt, thì phải dùng trí thấy rõ thân này, cuộc sống này vô thường tạm bợ không có thật ngã. Khi đã thấy thân này, cuộc sống này tạm bợ không thật, thì không khởi niệm tranh chấp hơn thua. Đã không có niệm tranh chấp hơn thua thì đâu có sân giận. Hơn nữa, khi thấy thân này tạm bợ, sống nhờ sự vay mượn, thì có tham muốn nhiều không? - Không. Con người sở dĩ tham ăn ngon, tham mặc đẹp, tham ở cao sang... là để cho thân này được sung sướng. Nhưng thân này tạm bợ giả dối, sống sung sướng để chi? Thôi thì sống sao cũng được, nên không khởi lòng tham. Do không tham muốn nên sự mất còn, hơn thua không bận lòng, không lo buồn. Sự mất còn hơn thua không bận lòng thì đâu có sân giận. Như vậy khi thấy thân này tạm bợ giả dối không thật là phá được si mê, si mê hết thì không còn tham, tham hết thì nóng giận đâu còn, khổ đau hết sạch. Nếu quý Phật tử tụng kinh hay niệm Phật giỏi, vẫn còn chấp thân này là thật là quý thì tham sân không bao giờ hết. Vì vậy mà

Phật dạy chúng ta quán thân vô thường hay quán pháp vô ngã. Do thấy kiếp sống của con người là sự vay mượn không bền không thật, nên lúc tôi ở Chân Không có làm một bài kệ nói về mạng sống con người như sau:

*Mạng sống trong hơi thở,*

*Trong nhịp đập quả tim.*

*Thế nào là mạng sống?*

*Sự vay mượn liên tục.*

Kiếp sống của con người là gì? Là sự vay mượn đất, nước, gió, lửa thường xuyên. Còn vay mượn là còn sống, ngừng vay mượn là ngưng thở, tim không đập là chết. Kiếp sống của con người tạm bợ không thật, vậy mà người đời cứ tưởng là thật rồi tranh giành hơn thua, gây đau khổ cho nhau không dừng không dứt.

Hôm nay tôi không giảng nhiều mà chỉ nhắc nhở cho quý Phật tử nghe hiểu được lời Phật dạy rồi cố gắng ứng dụng tu hành, để cho bản thân mình bớt si, bớt tham, bớt sân, như thế mới là người Phật tử có tu, có tiến bộ. Nếu đi chùa lâu học giáo lý nhiều, mà tham, sân, si vẫn còn nguyên thì tự thân mình không được lợi ích, lại còn bị người đời cười chê. Vì vậy, tôi mong quý vị nghe qua cố gắng tu hành cho tham, sân, si tiêu mòn để được an vui.

---o0o---

## **CHƯƠNG 7: (CHƯƠNG KẾT): NGUỒN GỐC YÊU ĐỜI VÀ CHÁN ĐỜI**

Thế thường người đời hay than trách: Con người sao quá tệ ác xấu xa! Khi đã thấy người xấu là mình đã ngầm nhận mình tốt rồi. Nếu mọi người xung quanh đều là xấu, đều là hèn hạ, đều đáng ghét, mình quá tốt, thì không còn lòng dạ nào muốn thân thiện sống chung với ai cả. Như vậy thì ở thế gian này mình như một kẻ lạc loài. Vì mình quá tốt mà người đời thì quá xấu không giao hảo được. Khi thấy mình lạc loài giữa đám rừng người thì sanh tâm chán đời. Ngược lại, nếu thấy mọi người ai cũng tốt, ai cũng giỏi, ai cũng hơn mình, thì lúc đó mình thấy cần nhập cuộc với họ, để được hay được tốt, được tiến bộ, lúc đó tâm yêu đời phát khởi. Quan niệm yêu đời hay chán đời gốc từ chỗ thấy người tốt hay thấy người xấu mà ra. Thoạt nghe qua thấy hơi thế gian, nhưng đó là tinh thần tích cực của người tu Phật chân chính và tinh thần tiêu cực của người mới học đạo.

Vậy chúng ta nên nhìn đời bằng cách nào để không buồn chán, để không muốn tự tử, để vui sống?

Đa số chúng ta với cặp mắt quen nhìn ra ngoài, ít nhớ ngó lại mình; nó có đặc điểm là thấy bên ngoài mà không thấy mình. Bởi vậy, lúc nào cũng thấy người này có khuyết điểm này, người kia có khuyết điểm kia, mình nhìn ai, ai cũng có khuyết điểm cả, còn mình thì không thấy lỗi nên nghĩ mình tốt. Người khác cũng vậy, họ cũng thấy mình xấu luôn, chỉ một mình họ tốt. Mọi người sống đều hướng ra ngoài, khi thấy thì thấy cái khuyết nhiều hơn cái ưu và cái xấu của người mình nhớ mãi, cái tốt của người mình lại mau quên. Ngược lại, cái xấu của mình thì mình mau quên, cái tốt thì nhớ mãi. Cho nên giúp ai việc gì mình nhớ hoài, còn ai giúp mình thì không nhớ. Do đó mà sinh ra cái bệnh kể công và quên ơn người. Cái ơn lớn nhất là ơn sinh dưỡng của cha mẹ mà cũng muốn quên nữa. Hằng ngày chúng ta không nghĩ đến chuyện hiếu thảo với cha mẹ, mà cứ dạy con phải có hiếu với mình. Đó là do mình nhớ mình ban ơn cho nó, còn cha mẹ ban ơn cho mình thì mình lại quên. Đây là chuyện thực tế mà bất công, dường như ai cũng dự chút phần trong đó. Đa số chúng ta vì quên cái tốt và nhớ cái xấu của người, nên thấy ai cũng xấu cả, ai cũng thua mình, nên sanh tâm chán nản. Ngược lại, chúng ta luôn nhớ cái xấu và quên cái tốt của mình thì lúc nào cũng thấy có người hơn mình để học hỏi. Có nhiều người nói chuyện đáng thương lắm, họ nói rằng: Ở đời chẳng ai thông cảm tôi cả. Trong nhà thì cha mẹ anh chị em không hiểu được tôi, ra ngoài xã hội cũng chẳng thông cảm tôi. Tại sao mọi người không thông cảm mình? Tại mình quá hay, hay tại mình quá dở? Nhìn kỹ lại coi? Tại mình chấp ngã to quá, mở miệng ra thì đề cao mình lên, hạ người xuống, mình cao quá ai mà thông cảm mình nổi! Người mà hay than như vậy là do họ thấy họ hay, không thấy họ dở, thấy không ai hiểu nổi mình, nên cảm thấy bị cô độc. Mà cô độc thì sinh ra chán đời rồi muốn chưởi đời. Những người mà hay chưởi đời là cái bệnh đó. Lỗi tại đâu mà mình bị cô độc như vậy? Chúng ta xét thật kỹ mới thấy lời Phật Tổ dạy hay đáo để, vì chúng ta không nghiên ngẫm nên quên đi. Bởi vì mọi người ai cũng nghĩ mình là người tốt là người cao thượng, chung quanh mình ai cũng xấu; hoặc xấu nhiều hoặc xấu ít. Do thấy như vậy mà bị quan yếm thế. Tôi ví dụ cho dễ hiểu. Có người tới chùa cho mít giống, họ giới thiệu giống mít này rất ngon, quý hơn tất cả loại mít ở đây. Tri Viên chùa nhận biết giống mít đó quý nên khi ương trồng, chăm sóc rất chu đáo. Ngược lại nếu người cho mít giống giới thiệu giống mít đó dở. Tri Viên dù có ương trồng rồi cũng bỏ đó. Tại sao Tri Viên trồng giống mít ngon chăm sóc chu đáo mà lại bỏ quên giống mít dở? Vì Tri Viên thấy mít ngon là quý trồng được trái thì được nhiều người ưa thích, còn mít dở dù có được trái chẳng mấy ai ưa chuộng. Con người cũng vậy, nếu thấy ai hay, tốt thường làm lợi ích cho đời thì mình quý trọng, còn ai là người dở xấu thì mình khinh họ. Bởi vì mình thấy những người này không làm nên trò trống gì, chỉ có ta thôi, nên thấy họ không có ý nghĩa gì đối với mình cả. Vì vậy mà

sanh ra chán không muốn lo không muốn làm gì cho ai cả, nên sống trong u buồn khổ não, chớ không vui.

Xưa Khuất Nguyên ôm đá trầm mình dưới sông Nịch La chết, cũng vì quan niệm: “Người đời đục cả chỉ một mình ta trong, người đời mê cả chỉ một mình ta tỉnh”. Khuất Nguyên nhìn đời như thế làm sao sống được với đời mà không tự vận chết? Khuất Nguyên chết vì thấy mình hơn thiên hạ, thiên hạ không ai bằng mình nên đâm ra chán đời, không muốn sống nữa. Đó là quan niệm sai lầm của người xưa. Ngược lại, ông chài nghe Khuất Nguyên than, ông bèn nói: “Nếu nước đục thì ta rửa chân, nước trong thì ta giặt dải mũ”. Ông chài thấy nước đục nước trong gì cũng có ích cho ông hết, vì vậy mà ông vui sống, Khuất Nguyên thì phải tự tử. Để thấy rằng, nếu biết nhìn đời bằng cặp mắt dung hòa; người đỡ giúp mình việc khác, người hay giúp mình việc khác, ai cũng là người giúp đỡ mình thì cuộc sống đâu có gì phải chê chán?

Muốn có quan niệm sống phù hợp với đạo lý và hữu ích cho đời, thì chúng ta phải có thái độ nhìn đời cho thấu đáo. Như Khuất Nguyên thấy người đời đục cả, chỉ một mình ông trong, người đời mê cả chỉ một mình ông tỉnh. Như vậy “cái ta” của ông to cỡ nào? Do “cái ta” to quá nên không thông cảm được ai và cũng không chịu nổi với mọi người, phải trốn mọi người bằng cách trầm mình xuống sông Nịch La để chết. Bây giờ chúng ta muốn sống với mọi người cho vui thì phải làm sao? Phải nhìn thấy cái dở và quên cái hay của mình. Nếu thấy được cái dở và quên cái hay của mình thì tự nhiên “cái ta” tự hạ thấp. “Cái ta” mà thấp thì đâu còn cách biệt với ai, ai ai mình cũng có thể sống được. Quý vị kiểm lại coi, có người nào trọn đời giỏi hoàn toàn không? Cần thận tối đa cũng có lúc sơ suất lộ ra những cái dở để người ta thấy. Như vậy, nếu kiểm những điều dở từ thuở bé đến bây giờ ghi đầy cuốn sổ một trăm trang. Lỗi mình cộng lại nhiều như thế thì có gì mà phách lối, có gì mà kiêu ngạo? Do vì cái dở mình xóa hết, cái hay thì ghi vào, khi giở sổ ra thấy mình hay nhiều quá, nên mới thấy mình siêu, mới thấy mình hơn thiên hạ. Chúng ta có hai cuốn sổ, một cuốn ghi công của mình và một cuốn ghi tội của người. Khi ghi công mình thì không bỏ sót một chút nào. Và ghi tội người cũng vậy không bỏ sót, đôi khi còn ghi oan nữa là khác. Bởi vậy nên ngồi lại bàn chuyện đời thì thấy thiên hạ tội thôi là tội, mình thì công thôi là công. Do đó nên mình khinh mọi người, mình khinh người thì làm sao người thương mình được. Kể cả anh chị em ruột đi nữa mà có vẻ khinh khi nhau đã không thông cảm, huống là bạn bè, người xa lạ! Mọi người và mình muốn có chỗ cảm thông nhau thì việc đầu tiên chúng ta phải nhìn lại thấy lỗi và quên cái hay của mình. Thấy mình dở nhiều, nên gần ai cũng có cái mình học hỏi, nhờ vậy mà mình dễ cảm thông với mọi người. Tụng Vô Tướng trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ có dạy:

Nhược chơn tu đạo nhơn



Bất kiến thể gian quá  
Nhược kiến tha nhơn phi  
Tự phi khước thị tả  
Tha phi ngã bất phi  
Ngã phi tự hữu quá  
Đản tự khước phi tâm  
Đả trừ phiền não phá  
Tảng ái bất quan tâm,  
Trường thân lưỡng cước ngoạ.

Dịch:

*Nếu người thật chơn tu  
Không thấy người đời lỗi  
Nếu thấy lỗi của người  
Lỗi mình đến bên trái  
Người sai ta không sai  
Ta sai tự có lỗi  
Chỉ dẹp tâm mình sai  
Dứt trừ phiền não sạch  
Yêu ghét chẳng bận lòng  
Đuổi thẳng hai chân nghi.*

Nhiều người cho bài tụng này Tổ dạy quá thấp, kỳ thực đây là nền tảng đạo đức. Chúng ta thấy Tổ dạy quá kỹ. “Nhược nhơn tu đạo nhơn, bất kiến thể gian quá”. Người tu hành chơn thật thì không thấy lỗi của người đời, vì thấy lỗi người thì quên lỗi của mình, hễ quên lỗi mình là không tu, mãi lo nhớ anh này dở chị kia kém, rồi buồn giận phát sanh... Người tu thật thì hằng xét nét lỗi

mình, mình còn tham, ít biết nhẫn nhục, nhiều si mê... để khiển trách và sửa chữa. Quý vị kiểm lại coi mình đang tu thể nào?

“Nhược kiến tha nhơn phi, tự phi khước thị tả”. Nghĩa là thấy lỗi người thì lỗi mình đến bên cạnh rồi. Tại sao vậy? Vì khi thấy lỗi người tâm ngã mạn liền sanh, vì vậy phải dè dặt đừng thấy lỗi người, mà phải thấy lỗi mình để mình tu sửa cho tiến bộ.

“Tha phi ngã bất phi, ngã phi tự hữu quá”. Nếu người làm quấy là họ chịu, mình đừng giành cái quấy của người. Thế mà người đời cứ đi giành cái quấy của người ta; thấy ai làm lỗi liền sanh bực bội nóng giận. Như vậy là người có lỗi mình liền sanh lỗi, tức là mình giành lỗi với người rồi. Nhiều người nói mới nghe coi như họ tích cực lắm, kỳ thực thì họ chưa biết tu. Họ cho rằng mình phải thấy lỗi người để chỉ trích cho họ sửa, nếu không chỉ thì để họ quấy hoài sao? Thoạt nghe thấy như tốt lắm, nhưng nếu cứ thấy lỗi người hoài thì sanh tự cao ngã mạn, đó là cái bệnh lớn của người tu, đâu phải là người tốt!

“Đản tự khước phi tâm, đả trừ phiền não phá”. Chỉ nhìn lại mình để thấy tâm sai quấy lỗi làm mà phá bỏ nó, luôn luôn do dứt trừ phiền não để cho tâm được trong sạch. Được như vậy thì:

“Tăng ái bất quan tâm, trường thân lưỡng cước ngoạ”. Khi yêu ghét không bận lòng thì lúc đó duỗi thẳng hai chân ngủ một cách thoải mái. Sở dĩ chúng ta nằm xuống ngủ không được là vì nhớ người này, buồn người kia, trách người nọ, tâm tư cứ quay cuồng làm sao mà ngủ cho được. Tổ nói người thật tu thì hết khổ, còn người tu giả cứ thấy lỗi người hoài thì khổ hoài. Đâu quý vị kiểm lại mình coi, có ai đó làm cho quý vị buồn giận, tối lại quý vị ngủ có ngon không? - Không. Buồn giận ngủ không ngon, thương ghét ngủ cũng không ngon. Tu là cốt đem lại sự an ổn cho mình và cho người. Nếu mình bất an thì mọi người cũng bất an lây. Thế nên phải buông xả hết, thì mới có thể tiến tới chỗ an vui, khi mình được an vui thì người cũng được an vui lây, nếu mình cố chấp, phần mình đã khổ lại còn làm khổ lây người khác. Chúng ta tu thì phải nhớ đừng mang tâm trạng tìm lỗi người khác, mà phải luôn nhìn lại lỗi mình.

Bài tụng này Lục Tổ dạy chúng ta rất kỹ là phải thấy lỗi mình đừng tìm lỗi người. Nếu thấy lỗi người thì lỗi mình tới một bên rồi. Tu cốt yếu là dẹp lỗi làm của mình, phá sạch tâm phiền não, buông xả lòng yêu ghét, có như vậy mới thanh thoi hết khổ. Thoạt nghe, chúng ta thấy như Tổ tiêu cực, thiên hạ làm quấy để mặc họ, mình không can thiệp sao? Đây Tổ dạy chúng ta một phép tu để cho tâm hồn mình được cởi mở rộng rãi thêm lên, chớ không để cho ích kỷ hẹp hòi đi đến chỗ tiêu cực chán đời.

Sau đây là câu chuyện rất quen thuộc mà đa số Phật tử có tụng kinh Pháp Hoa đều biết. Bồ Tát Thường Bất Khinh thấy ai cũng có Phật tánh và sẽ thành

Phật, Ngài không thấy người nào dở cả nên đi đâu gặp ai Ngài cũng nói: “Tôi không dám khinh các Ngài, các Ngài sẽ thành Phật”. Nếu thấy ai cũng sẽ thành Phật thì có khinh chê người nào đâu? Nhờ cái thấy đó nên Bồ Tát giáo hóa độ sanh từ đời này đến kiếp khác không chán. Như tôi nói ở trước, Tri Viên biết giống mít tốt sẽ cho trái quý, tự nhiên sốt sắng, săn sóc mà không chán vì đặt hết hy vọng vào cây mít. Cũng vậy, Bồ Tát biết tất cả chúng sanh sẽ thành Phật thì còn gì mà sợ. Không lo giáo hóa cho họ được thành Phật. Tâm niệm của Bồ Tát thấy ai cũng có khả năng thành Phật. Phật là bậc Vô Thượng Giác mà ai cũng có thể làm được thì việc thường ai làm chẳng được! Vậy chúng ta hãy kiểm lại mình và nghĩ rằng chung quanh mình ai cũng trở thành người tốt, tốt bằng mình hoặc tốt hơn mình, thì mình đâu có chê chán ai, đâu có xa lánh ai. Nên cuộc sống giữa mình và mọi người có sự liên hệ giúp đỡ qua lại với nhau. Còn nếu mình thấy ai cũng xấu hết, chỉ có một mình mình hay, thì ai giúp mình được nữa? Do thấy một mình hay, nên khiến thiên hạ thấy lại mình là kẻ buồng kẻ gang, kẻ kiêu mạn... Bởi thế, trên đường tu, người Phật tử chân chính phải nhớ cho thật kỹ là đừng thấy lỗi người mà phải thấy lỗi mình và tìm cái hay của người. Cái hay nhất của con người là ai cũng có thể thành Phật. Phật quả là cái cao tột mà thấy ai cũng có thể thành, thì chuyện thế gian, nếu hội đủ duyên tốt chắc họ sẽ thành công tốt.

Đâu chỉ một Bồ Tát Thường Bất Khinh thấy như thế, mà Phật đâu không từng nói: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”. Vì vậy mà Ngài giáo hóa chúng sanh suốt bốn mươi chín năm không chán ngán. Kinh A Hàm cũng như kinh Hoa Nghiêm, có đoạn kể: Sau khi Phật thành đạo dưới cội Bồ Đề, Ngài nhìn xuống đầm sen, thấy có những hoa đang trổ tỏa hương thơm, có hoa đang còn búp, có hoa mới ngói lên khỏi mặt nước, có cái còn là ngó sen ở dưới bùn... Nhưng Phật kết luận rằng tất cả những hoa sen đó cái nào rồi cũng trổ hoa thơm đẹp như nhau. Chúng ta thấy Phật nhìn đời hết sức lạc quan. Dầu là hoa sen đang là cái ngó còn dùi dưới bùn hôi, mà Ngài cũng thấy nó sẽ lên khỏi nước, trổ hoa đẹp và có hương thơm. Cũng vậy, chúng sanh người đã tu hành tiến bộ khá ví như hoa sen vừa lên khỏi nước, người đang tu hành nửa chừng ví như hoa sen còn nằm trong nước, người mới phát tâm tu ví như hoa sen vừa ra khỏi bùn, người chưa phát tâm tu ví như hoa sen còn ở dưới bùn. Nếu tu, tất cả đều sẽ thành Phật, do thấy như vậy nên đức Phật đem hết khả năng ra giáo hóa cho tất cả. Ngài giáo hóa rồi, còn dặn dò đệ tử sau này phải luôn luôn truyền bá đừng để cho ngọn đèn chánh pháp lu tắt. Chúng ta vì thấy mọi người xấu hết, nên có tâm trạng bi quan, tự nguyện kiếp sau xin không trở lại làm người, hoặc nguyện về Cực Lạc làm dân Phật A Di Đà, chớ không trở lại cõi Ta Bà này, ngán con người lắm! Người ta sợ làm người là tại sao? Vì mọi người xấu ác hết, một mình ta tốt nên ở giữa đám người xấu ác này không chịu nổi, phải tìm chỗ có người tốt hơn để an ổn vui tươi. Người vừa khởi niệm đó đã là xấu rồi!

Phật dạy người có nhiều đức tính tốt hơn ta đó là bậc thầy ta, ta học những cái hay của họ. Người có cái dở hơn ta cũng là bậc thầy của ta, ta cũng học để tránh. thầy hay, chúng ta học bắt chước, thầy dở, chúng ta học để tránh. Cũng vậy, khi phát tâm tu, người trợ giúp phương tiện để tiến là thiện tri thức, mà người làm chướng ngại để thử thách coi mình tiến tới đâu cũng là thiện tri thức. Người giúp phương tiện là kéo mình lên từ từ, người thử thách giúp mình nhảy vọt; cả hai đều là người tốt giúp mình tiến, nên không có người nào để cho chúng ta chê chán cả. Chỉ có chán cái hèn yếu của mình. Tu lẽ ra những chuyện nghịch ý trái lòng là phải thắng nó, mà thắng không được, để cho sân si nổi lên là dở, hãy tự chán mình, vì nói được mà làm không được. Hiểu như vậy, mới thấy chúng ta tu có tiến được hay không là do đặt cái nhìn đúng hay sai. Nếu nhìn không đúng thì việc tu hành cũng lệch luôn. Người phát tâm tu, không ai mà không thâm hứachinh phục tham, sân, si. Đã ngầm hứa như vậy rồi, thì những cơ hội khơi dậy tham, sân, si là cơ hội tốt để cho chúng ta điều phục nó. Nếu chúng ta chưa điều phục được thì trách mình hay trách cơ hội? Phải tự trách mình còn yếu. Vậy mà đa số người tu gặp chướng duyên cứ trách thiên hạ cứ trách hoàn cảnh: Tôi tu mà thiên hạ phá tôi hoài, chớ không ngờ chính vì mình không thật tu, hoặc tu còn yếu không chuyển được cảnh rồi thôi chuyển lui sụt. Nếu nói theo đạo lý chân thật, thì thế gian này không ai phá mình cả, chỉ có mình phá mình. Vì tất cả cái hay, cái dở, cái tốt, cái xấu nó không bắt mình thành tốt hay thành xấu, mà chính mình mới thành tốt hay thành xấu. Người ta cứ đổ thừa: bị tiền tài, sắc đẹp... nó cám dỗ tu không được. Tôi ví dụ có một Phật tử mới phát tâm tu, đi đường bỗng thấy một thỏi vàng rớt trên đất, liền động lòng tham lượm bỏ túi, từ đó tâm bất an, toan tính đủ chuyện hết. Bất an là do không điều phục được lòng tham, lòng nó quấy phá mất thanh tịnh mà đổ thừa vàng nó cám dỗ. Nếu thấy vàng thì thấy, đi cứ đi, không bận lòng thì có gì trở ngại? Để thấy rằng trong cuộc đời này không có cái gì ở bên ngoài hại mình bằng chính mình không làm chủ được tham, sân, si nơi mình. Đó là cái gốc của mọi tai họa. Nếu biết gốc của tai họa từ tham, sân, si ở nơi mình thì phải thẳng tay mà điều phục nó, chớ không có kêu ca than trách người, cảnh. Nếu ngồi trách người trách cảnh, đó là người che lỗi mình, bào chữa cho mình.

Kinh Hoa Nghiêm, Phật có nói: Tất cả chúng sanh đều đầy đủ đức tánh Như Lai, chỉ vì vô minh phiền não che khuất nên còn làm chúng sanh. Vậy ai cũng có đức tính như Phật hết, tuy hiện tại thân tướng chưa đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, nhưng rồi sẽ có, nếu chúng ta đủ lòng tin và nỗ lực tu rồi cũng sẽ được như Phật. Sở dĩ chúng ta còn luân hồi trong lục đạo thấy mình và Phật cách nhau quá xa là do vô minh phiền não che khuất. Nếu dẹp hết vô minh phiền não thì mình với Phật đâu có khác. Phật và Bồ Tát chỉ cho chúng ta con đường Niết Bàn rất cụ thể. Đó là: “Biết như thật điên đảo, không thọ tất cả pháp, nội tâm tịch diệt, đến Niết Bàn”. Ai biết như thật điên đảo thì không thọ tất cả pháp, nếu không thọ tất cả pháp thì nội tâm tịch diệt, nội tâm tịch diệt đó là Niết Bàn, không nghi ngờ. Nếu người không biết như thật điên đảo, điên đảo

mà không biết điên đảo, thì thọ nhận tất cả pháp. Chấp tất cả pháp thì đi tới đấu tranh, mà đấu tranh là đau khổ. Vậy thấy như thật điên đảo là thế nào? Điên đảo là lấy đầu làm đuôi, giả cho là chơn, thấy trái ngược gọi là thấy điên đảo. Ví dụ: Được khen thì vui, bị chê thì buồn. Được khen thì vui, bị chê thì buồn, hợp lý quá tại sao nói là điên đảo?

Lời khen chê là âm thanh vừa phát ra liền nữa, lời khen mất, nó không thật mà chấp nó là thật. Thứ chê không nhất định. Chẳng hạn người tửu lượng thấp uống nửa lít rượu đã say túy lúy, khen người tửu lượng cao uống một lít không say là giỏi là hay. Còn người Phật tử giữ năm giới không uống rượu bị chê là người bòn xén không biết ăn chơi. Nếu qua lời khen đó mà vui, qua lời chê đó mà buồn là điên đảo. Vì cái không đáng buồn mà buồn, không điên đảo là gì! Cái không đáng khen mà khen, khen để đi tới chỗ chết. Cái khen đó là hại tai sao lại mừng? Lời khen chê không có giá trị thật mà tưởng lầm là thật đó là điên đảo. Điên đảo mà tự mãn với điên đảo nên rồi cứ đau khổ. Có cái khen cái chê nào là cứu cánh đâu? Nhóm người này khen mình lại có nhóm người khác chê mình. Khen chê tùy chỗ, tùy thời, tùy theo cái nhìn của mỗi người sai khác. Nó không có lẽ thật, mà mình chấp là thật, đó là sai lầm. Tiếng nói đã không thật, giá trị khen chê cũng không thật, hai cái không thật tưởng là thật, không điên đảo là gì? Do không biết như thật điên đảo nên mới chấp nhận các pháp, khen thì vui nên giành được khen rồi dẫn tới đấu tranh, bị chê thì buồn nên nổi sân giận sanh đấm đánh lẫn nhau, gây đau khổ cho nhau không có ngày cùng.

Ngay nơi cái điên đảo mà thấy đúng như thật, thì không chấp không tạo thêm tội lỗi, mà phát triển điều hay điều tốt. Chẳng hạn như biết thân này là vô thường, giả tạm không thật, tuy biết nó không thật, vẫn đem nó ra làm việc hữu dụng cho đời, sống một ngày làm cho xứng đáng một ngày. Ngày mai còn làm nữa, ngày một còn làm nữa, làm hoài cho tới chết mới thôi, không chán. Nếu nghĩ thân này còn mai mất làm chi cho mệt, ngồi chơi uống trà cho khỏe là tai họa! Cùng một sự việc mà thấy đúng thì cuộc sống có giá trị, đời vui tươi. Nếu thấy không đúng thì gây tai họa lớn không thể lường. Vì vậy, người học Phật chúng ta nương theo cái nhìn của Phật là thấy tất cả điên đảo đúng như thật, để không thọ nhận các pháp cho tâm được tịch diệt và đến Niết Bàn.

Niết Bàn đối với chúng ta gần hay xa và có ai không có quyền đến không?

Ai cũng có quyền đến Niết Bàn với điều kiện như đã nói.

---o0o---

**HẾT**